

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số 1425/QĐ-STNMT-CTR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1425/QĐ-STNMT-CTR Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt Quy trình kỹ thuật cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh

Hạng mục

“Quét – Thu gom – Vận chuyển – Vận hành trạm trung chuyển và vớt chất thải rắn trên và ven kênh rạch”

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2014;
Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18 tháng 7 năm 2003
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Sở Tài
nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng, Ban thuộc cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ
chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của
Ủy ban nhân dân thành phố về công bố Bộ định mức dự toán công tác quản lý
chất thải rắn đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân cấp cho Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện quản lý và thực hiện công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận, huyện.



Căn cứ Quyết định số 6396/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành các nguyên tắc để triển khai đấu thầu hoặc làm cơ sở đưa vào hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu trong công tác quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ủy quyền xây dựng đơn giá, xác định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị, dự toán các chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị; tổ chức thẩm định, phê duyệt đơn giá và dự toán các chi phí trên để thực hiện đặt hàng, đấu thầu trong lĩnh vực vệ sinh môi trường.

Căn cứ Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại phụ lục của Quyết định số 6396/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành các nguyên tắc để triển khai đấu thầu hoặc làm cơ sở đưa vào hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu trong công tác quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

Căn cứ văn bản số 4448/UBND-ĐT ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai kế hoạch chuẩn hóa mẫu phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-TNMTCTR ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy trình kỹ thuật cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh với hạng mục Quét, thu gom, vận chuyển, vận hành trạm trung chuyển và vớt chất thải rắn sinh hoạt trên và ven kênh rạch.

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-TNMT-CTR ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy trình kỹ thuật vớt chất thải trên và ven kênh Đôi, Tàu Hủ, Tẻ và Bến Nghé trên địa bàn quận 1, 4, 5, 6, 7 và 8.

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TNMT-CTR ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ban hành các Quy trình kỹ thuật vớt rong cỏ, lục bình, chất thải tại các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất thải rắn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kỹ thuật cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh - hạng mục: Quét, thu gom, vận chuyển, vận hành trạm trung chuyển và vớt chất thải rắn sinh hoạt trên và ven kênh rạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1177/QĐ-TNMT-CTR ngày 16 tháng 07 năm 2013, Quyết

định số 1080/QĐ-TNMT-CTR ngày 08 tháng 10 năm 2014 và Quyết định số 432/QĐ-TNMT-CTR ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận – huyện, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng phòng Quản lý chất thải rắn, Giám đốc Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải thành phố thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc các đơn vị cung ứng dịch vụ quét, thu gom, vận chuyển, vận hành trạm trung chuyển và vớt chất thải rắn sinh hoạt trên kênh rạch có trách nhiệm thi hành quyết định này./KTS

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - UBNDTP (để b/c);
 - Sở Tài chính;
 - GD Sở (để b/c);
- Lưu: VT; P.QLCTR.
DT: Liên-Chi-Vân-Vũ (30b).



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



HẠNG MỤC

QUÉT – THU GOM – VẬN CHUYỂN - VẬN HÀNH TRẠM TRUNG
CHUYỂN VÀ VỐT CHẤT THẢI RĂN TRÊN VÀ VEN KÊNH RẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-STNMT-CTR ngày 05 tháng 10
năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Tp.HCM, tháng 10 /2018

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục tiêu

- Quy định chi tiết cho từng công tác quét – thu gom – vận chuyển – vận hành trạm trung chuyển và vớt chất thải rắn trên và ven kênh rạch.

- Làm cơ sở để thanh toán chi phí cho các dịch vụ này bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Làm cơ sở để các hộ gia đình, chủ nguồn thải, đơn vị quản lý đánh giá dịch vụ quét – thu gom – vận chuyển – vận hành trạm trung chuyển và vớt chất thải rắn trên và ven kênh rạch.

2. Phạm vi

Quy định này quy định áp dụng trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt chịu trách nhiệm tuân thủ quy định này.

4. Giải thích từ ngữ

4.1. Chất thải rắn sinh hoạt (hoặc được gọi là rác sinh hoạt): là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người (chất thải rắn sinh hoạt không bao gồm chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và không bao gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường).

4.2. Chất thải rắn cồng kềnh: là chất thải rắn có kích thước lớn như các vật dụng của gia đình (tủ, giường, nệm, bàn, ghế salon, tranh,...), gốc cây, thân cây và nhánh cây. Chất thải rắn cồng kềnh được quản lý như là chất thải rắn sinh hoạt.

4.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường: là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc thuộc danh mục chất thải nguy hại nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại.

4.4. Chất thải rắn xây dựng (hoặc được gọi là xà bần): là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình (bao gồm công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ).

4.5. Chất thải rắn đường phố: là chất thải rắn tồn tại trên đường phố, vỉa hè, nơi công cộng.

4.6. Chủ nguồn thải: là các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

4.7. Chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn: là các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải đến các điểm hẹn hoặc các trạm trung chuyển.

4.8. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn: là quá trình thu gom và chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt tại các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải đến các điểm hẹn hoặc các trạm trung chuyển.

4.9. Chủ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: là tổ chức cá nhân thực hiện dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm hẹn đến các trạm trung chuyển; từ các điểm hẹn, trạm trung chuyển đến Khu xử lý chất thải tập trung bằng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4.10. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: là quá trình chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm hẹn đến các trạm trung chuyển; từ các điểm hẹn, trạm trung chuyển đến Khu xử lý chất thải tập trung bằng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4.11. Phương tiện giao thông đường bộ: gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ.

4.12. Phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn: là các loại phương tiện chuyên dụng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải đến các điểm hẹn hoặc các trạm trung chuyển.

4.13. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: là các phương tiện chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm hẹn đến các trạm trung chuyển; từ các điểm hẹn, trạm trung chuyển đến Khu xử lý chất thải tập trung.

4.14. Xe ép: là phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Xe có các hệ thống chuyên dụng để nạp chất thải rắn sinh hoạt từ phương tiện thu gom lên xe, ép chất thải, đổ chất thải, chứa nước rỉ rác, bộ phận che phủ kín miệng nạp chất thải rắn và các thiết bị, hệ thống khác đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Xe ép được phân thành 2 loại như sau:

- **Xe ép nhỏ:** là loại xe ép có khối lượng hàng chuyển chở cho phép (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ) nhỏ hơn hoặc bằng 05 tấn được sử dụng để thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm hẹn đến trạm trung chuyển.

- **Xe ép lớn:** là loại xe ép có khối lượng hàng chuyển chở cho phép (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ) lớn hơn 05 tấn được sử dụng để thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển đến Khu xử lý chất thải tập trung.

4.15. Phương tiện chuyên dùng: Ô tô có kết cấu và trang bị được dùng chỉ để chuyên chở người và/hoặc hàng hóa cần có sự sắp xếp đặc biệt; chỉ để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt. Ô tô chuyên dùng cũng có thể kéo theo một rơ moóc.

4.16. Thiết bị ép rời: hệ thống ép thủy lực đặt tại trạm trung chuyển.

4.17. Container: thùng chứa chất thải rắn.

4.18. Xe hooklift: là phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Xe có rì móc để cẩu và vận chuyển container chứa chất thải rắn, container này có hoặc không có thiết bị ép đi kèm (có thể tháo lắp), có thiết bị chứa nước rỉ rác và các thiết bị, hệ thống khác đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Xe hooklift phân thành hai loại:

- Loại có khối lượng hàng chuyên chở cho phép (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ) nhỏ (<) hơn 10 tấn.

- Loại có khối lượng hàng chuyên chở cho phép (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ) từ (\geq) 10 tấn trở lên.

4.19. Máy xúc dạng gầu nghịch: là phương tiện (được đặt trên bờ) được sử dụng để xúc (hoặc đào) chất thải rắn, rong cỏ, lục bình kết dính tồn đọng lâu ngày tạo thành khối, mảng dày đặc trên sông, kênh, rạch và đưa lên bờ hoặc vào thiết bị chứa hoặc vào phương tiện vận chuyển.

4.20. Xe cẩu: là phương tiện có khả năng di chuyển và có lắp đặt cần trục tự hành để di chuyển các thiết bị chứa chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên các phương tiện vớt lên bờ hoặc đổ trực tiếp vào phương tiện vận chuyển.

4.21. Máy cắt vớt lục bình: là phương tiện thủy được bố trí hệ thống dao cắt ở ngay đầu phương tiện để cắt vớt lục bình trôi nổi trên sông, kênh, rạch và đưa lục bình vào bờ bằng băng chuyền gắn trực tiếp trên phương tiện.

4.22. Xà lan: là phương tiện thủy có gắn động cơ máy, ở hai bên mạn xà lan có gắn thiết bị thu chất thải rắn, rong cỏ, lục bình và có trang bị phao, túi chứa băng lưới, khu vực chứa (boong xà lan) và hệ thống loa phóng thanh qua băng từ đài tuyên truyền.

4.23. Tàu: là phương tiện thủy có gắn động cơ máy, ở hai bên mạn tàu có gắn thiết bị thu chất thải rắn, rong cỏ, lục bình và có trang bị phao, túi chứa băng lưới, khu vực chứa (boong tàu) và hệ thống loa phóng thanh qua băng từ đài tuyên truyền.

4.24. Ghe (xuồng): là phương tiện thủy có gắn động cơ máy, ở trên ghe (xuồng) có bố trí các túi chứa băng lưới.

4.25 Bến thủy nội địa: là vị trí được cơ quan nhà nước cấp phép cho hoạt động tập kết, neo đậu các phương tiện thủy. Đối với công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình, bến thủy nội địa có thể kết hợp với diểm hẹn.

4.26. Điểm hẹn: là điểm tập kết tạm thời các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để chuyển chất thải sang phương tiện cơ giới vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Điểm hẹn cũng được xem là điểm tập kết tạm thời các loại phương tiện vớt để chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên sông, kênh, rạch sang phương tiện cơ giới vận chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình.

4.27. Trạm trung chuyển: là nơi tập kết, lưu trữ tạm thời chất thải và trung chuyển lên phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để vận chuyển đến Khu xử lý chất thải tập trung. Dựa vào công nghệ, trạm trung chuyển được phân thành 2 loại:

- **Trạm ép rác kín:** sử dụng xe ép hoặc xe hooklift, nạp chất thải rắn trực tiếp từ phương tiện thu gom vào thùng xe hoặc container vận chuyển lên Khu xử lý chất thải tập trung.

- **Trạm trung chuyển quy mô nhỏ:** chất thải rắn được đổ vun thành đống và sau đó chất thải được nạp vào xe ép vận chuyển lên Khu xử lý chất thải rắn tập trung.

4.28. Phạm vi phục vụ trạm trung chuyển:

- Trạm trung chuyển phục vụ liên quận – huyện: là trạm trung chuyển phục vụ trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ 02 quận – huyện trở lên và theo sự điều phối khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trạm trung chuyển phục vụ quận – huyện: là trạm trung chuyển phục vụ trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt của quận – huyện và theo sự điều phối khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của quận – huyện và của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.29. Thùng rác (thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt): là thiết bị chuyên dụng để chứa chất thải. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có kết cấu kín, có nắp đậy để ngăn mùi hôi, nước rác phát tán ra bên ngoài.

4.30. Khu xử lý chất thải tập trung (nằm trong Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thành phố): là địa điểm quy hoạch để tiếp nhận và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4.31. Cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt: là thực hiện các dịch vụ liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt giữa chủ thu gom, chủ vận chuyển và hộ gia đình, chủ nguồn thải theo sự quản lý của cơ quan nhà nước liên quan.

4.32. Nước rỉ rác: là nước thải phát sinh từ độ ẩm của chất thải rắn do quá trình phân hủy sinh học các chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học và lượng nước từ bên ngoài xâm nhập vào chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình lưu trữ vận chuyển (nếu có).

4.33. Phương pháp cảm quan: là phương pháp sử dụng các giác quan thị giác, khứu giác, xúc giác, vị giác và thính giác để đánh giá chất lượng vệ sinh, môi trường.

4.34. Vỉa hè: là bộ phận của đường đô thị, phục vụ chủ yếu cho người đi bộ và kết hợp là nơi bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị dọc tuyến.

4.35. Lòng đường: là bộ phận của đường đô thị, được giới hạn bởi phía trong hai bên bờ vỉa, có thể bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị dọc tuyến khi cần thiết.

4.36. Dải phân cách: là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ.

4.37. Tiểu đảo, vòng xoay: là phần đường phố dùng để tự điều khiển hướng dòng giao thông của các phương tiện cơ giới theo chiều quy định.

4.38. Miệng cống: là miệng để thu nước của các cống thoát nước.

4.39. Chủ đầu tư: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để thực hiện cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực vệ sinh môi trường.

5. Phương pháp sử dụng để đánh giá chất lượng công tác cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

5.1. Mục đích

Quy định này quy định các phương pháp đánh giá được sử dụng để đánh giá hiệu quả các quy trình kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Mỗi phương pháp đánh giá được sử dụng phải đúng phạm vi, nội dung.

5.2. Các phương pháp

5.2.1. Phương pháp lấy mẫu phân tích

a) **Phạm vi áp dụng:** Phương pháp này thực hiện cho công tác lấy mẫu chất thải rắn, đất, nước, không khí tại các vị trí vệ sinh điểm hẹn, vận hành trạm trung chuyển.

b) Nội dung phương pháp

- Phương pháp được áp dụng theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam hiện hành về các quy định về lấy mẫu chất thải rắn, đất, nước thải, khí thải,... Phương pháp này áp dụng cho các Đơn vị thực hiện lấy mẫu phải đảm bảo quy cách, cách thức lấy mẫu và chịu trách nhiệm về kết quả lấy mẫu.

- Việc lấy và phân tích mẫu phải do Đơn vị có chức năng hành nghề dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Pháp luật đảm trách.

c) **Công cụ lấy mẫu phân tích:** thực hiện bằng các trang thiết bị, dụng cụ, ... để lấy mẫu và phân tích mẫu theo giấy phép hành nghề dịch vụ quan trắc môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

5.2.2. Phương pháp đánh giá cảm quan

a) **Phạm vi áp dụng:** Sử dụng phương pháp này để đánh giá chất lượng vệ sinh công tác quét, thu gom; vận hành trạm trung chuyển và vệ sinh điểm hẹn; các dịch vụ khác nâng cao chất lượng vệ sinh trong công tác quản lý chất thải rắn: quét rửa đường, phun thuốc diệt ruồi,... khi không áp dụng phương pháp lấy mẫu.

b) Nội dung phương pháp

Thực hiện thông qua hai giác quan chủ yếu là thị giác và khứu giác của cán bộ giám sát để đánh giá quy trình tác nghiệp theo bảng chấm điểm có sẵn. Cụ thể như sau:

- Thị giác: để đánh giá các đối tượng thực hiện, kết quả của quá trình thực hiện.

- Khứu giác: để nhận biết mức độ ô nhiễm cao hay thấp trong môi trường xung quanh thông qua chủ quan của người cảm nhận. Khi sử dụng phương pháp này, cán bộ giám sát không được tiếp xúc với môi trường tương tự trong thời gian từ 04 – 05 giờ.

- Bảng chấm điểm: để thống kê kết quả của quá trình đánh giá.

- Khi đánh giá bằng phương pháp này phải thực hiện từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một quy trình vận hành kỹ thuật và đánh giá theo trình tự bảng chấm điểm để đảm bảo số liệu đánh giá khách quan và có độ tin cậy cao.

c) **Công cụ hỗ trợ thực hiện:** Sử dụng máy chụp hình, máy quay phim.

5.2.3. Phương pháp kiểm tra hồ sơ và thực tế

a) **Phạm vi áp dụng:** sử dụng phương pháp này để kiểm tra việc ghi nhận và lưu hồ sơ của một quy trình vận hành kỹ thuật; kiểm tra thực tế một quy trình vận hành kỹ thuật đang thực hiện.

b) **Nội dung phương pháp**

- **Kiểm tra hồ sơ:** Kiểm tra tất cả các hồ sơ liên quan đến quy trình kỹ thuật, kết quả phân tích mẫu và trao đổi các nội dung liên quan trước khi tiến hành khảo sát thực tế.

- **Kiểm tra thực tế:** Phải khảo sát từng bước từ giai đoạn đầu đến cuối của quy trình kỹ thuật và thực hiện trình tự theo nội dung bảng chấm điểm để kết quả đánh giá khách quan và có độ tin cậy cao.

- **Bảng chấm điểm:** Đề thống kê kết quả của quá trình đánh giá.

c) **Công cụ:** máy chụp hình, máy quay phim, đồng hồ, thước đo.

5.3. Tần suất giám sát quy trình kỹ thuật

- **Liên tục:** Từ khi bắt đầu đến khi kết thúc của một quy trình kỹ thuật.

- **Thường xuyên:** 01 giờ/lần từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một quy trình kỹ thuật.

- **Định kỳ:** theo quy định của quy trình kỹ thuật hoặc do Cơ quan giám sát thống nhất với Đơn vị cung ứng dịch vụ.

- **Đột xuất:** Kiểm tra đột xuất trong bất kỳ thời gian nào trong quá trình thực hiện của quy trình kỹ thuật, thời gian kiểm tra đột xuất do đơn vị có chức năng giám sát quy định.

6. Xây dựng và phê duyệt tần suất giám sát quy trình kỹ thuật

Đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch giám sát quy trình kỹ thuật căn cứ nội dung quy trình kỹ thuật, hợp đồng cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt, nguồn nhân lực và vật tư trang thiết bị của Đơn vị để xây dựng tần suất giám sát cho từng quy trình kỹ thuật và trình Chủ đầu tư phê duyệt.

CÁC QUY TRÌNH KỸ THUẬT

MÃ SỐ QUY TRÌNH KỸ THUẬT	TÊN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
QTKT.01/STNMT-CTR	THU GOM CHẤT THẢI RĂN SINH HOẠT TẠI NGUỒN
QTKT.02/STNMT-CTR	QUÉT DỌN, THU GOM CHẤT THẢI ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG
QTKT.03/STNMT-CTR	THU GOM, VẬN CHUYỂN, VẬN HÀNH TRẠM TRUNG CHUYỂN CHẤT THẢI RĂN SINH HOẠT
QTKT.04/STNMT-CTR	VỐT CHẤT THẢI RĂN, RONG CỎ, LỤC BÌNH TRÔI NỘI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG THỦ CÔNG KẾT HỢP CƠ GIỚI
QTKT.05/STNMT-CTR	VỐT LỤC BÌNH TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG MÁY CẮT VỐT
QTKT.06/STNMT-CTR	VỐT CHẤT THẢI RĂN, RONG CỎ, LỤC BÌNH TRÔI NỘI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG XÀ LAN
QTKT.07/STNMT-CTR	VỐT CHẤT THẢI RĂN, RONG CỎ, LỤC BÌNH TRÔI NỘI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG TÀU
QTKT.08/STNMT-CTR	VỐT CHẤT THẢI RĂN, RONG CỎ, LỤC BÌNH TRÔI NỘI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG GHE (XUỒNG)
QTKT.09/STNMT-CTR	THU GOM, VỆ SINH THÙNG RÁC CÔNG CỘNG
QTKT.10/STNMT-CTR	QUÉT DỌN CHẤT THẢI ĐƯỜNG PHỐ BẰNG XE HÚT VÀ TƯỚI RỬA ĐƯỜNG

QTKT.01/STNMT-CTR
THU GOM CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Quy định về phương tiện thực hiện và nhân công

a) Quy định về phương tiện thực hiện

Các phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và mẫu mã do cơ quan chức năng quy định. Tùy theo quy mô và số lượng hộ gia đình, chủ nguồn thải, lực lượng thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn lựa chọn phương tiện thu gom phù hợp để thực hiện đảm bảo hiệu quả về kinh tế.

Ngoài việc phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và mẫu mã do cơ quan chức năng quy định, tất cả các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau đây:

- Xung quanh phương tiện được sơn hoặc dán đề can phản quang (đối với phương tiện thực hiện vào ban đêm), có đầy đủ thông tin: tên chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, số điện thoại liên hệ, địa bàn/khu vực thu gom, cơ quan quản lý.

- Bên ngoài thùng xe không được treo các túi chứa chất thải rắn trên phương tiện thu gom.

- Đảm bảo tuân thủ Luật giao thông đường bộ.

- Nghiêm cấm mọi phương tiện thu gom không tuân thủ theo quy định của Luật giao thông đường bộ: cơi nới thùng chứa phương tiện thu gom so với thiết kế ban đầu, thùng tự chế/thùng 660 lit gắn vào xe máy, ...

b) Quy định về nhân công

Tùy theo loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, số lượng hộ gia đình, chủ nguồn thải và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom, chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn bố trí số lượng lao động cho phù hợp và đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành.

1.2. Quy định chung về trang bị bảo hộ lao động

Quần áo bảo hộ lao động, giày, nón bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, áo phản quang (vào ban đêm) và các trang bị khác theo quy định.

1.3. Quy định công cụ lao động

Chổi, ky hốt chất thải rắn, thùng chứa chất thải rắn/xe kéo tay nhỏ (thu gom tuyến hẻm nhỏ), đèn báo hiệu (đối với phương tiện thủ công thực hiện vào ban đêm).

1.4. Quy định về thời gian, phương thức, tần suất thực hiện

- Thời gian chuyển giao và thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải đảm bảo kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn với công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đảm bảo vệ sinh, mỹ quan đô thị.

- Phương thức chuyển giao và thu gom chất thải rắn sinh hoạt: hộ gia đình, chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có thể chuyển giao trực tiếp hoặc để sẵn các

thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trước nhà chờ chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến lấp trong khoảng thời gian quy định (khuyến khích thực hiện phương thức chuyển giao trực tiếp). Chủ thu gom, vận chuyển sử dụng loa, chuông, nhạc hoặc các công cụ khác để thông báo khi đến lấy chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp.

- Trường hợp hộ gia đình, chủ nguồn thải không có điều kiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian quy định thì tổ trưởng khu phố chủ trì lập danh sách, báo cáo Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn để Ủy ban nhân dân dân phường – xã – thị trấn xác định thời gian chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và vị trí đặt thùng rác phù hợp nhằm phục vụ việc lưu chứa, thu gom tập trung chất thải của các hộ gia đình, chủ nguồn thải này đảm bảo mỹ quan đô thị, không cản trở giao thông. Các hộ gia đình và chủ nguồn thải phải trả mức giá dịch vụ tương tự các đối tượng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố để được cung ứng dịch vụ này. Các vị trí đặt thùng được xem như điểm hẹn tập kết chất thải rắn sinh hoạt được đưa vào nội dung đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận – huyện. Các hộ gia đình và chủ nguồn thải không được phép đặt túi rác trên vỉa hè, dưới lòng đường sau thời gian thu gom đã được thỏa thuận và qui định.

- Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, Ủy ban nhân dân dân phường – xã – thị trấn chủ trì, phối hợp với chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đại diện của các hộ gia đình, chủ nguồn thải (tổ trưởng tổ dân phố, tổ trưởng khu phố, ban quản lý chung cư) xác định thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng và quy định của nhà nước.

- Đối với chất thải rắn cồng kềnh: Chất thải rắn cồng kềnh sau khi được chuyển đến nơi tiếp nhận được tháo rã, giảm thể tích và chuyển xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn cồng kềnh đến cơ sở xử lý chất thải định kỳ ít nhất 1 lần/tháng và công tác thu gom vận chuyển và quản lý chất thải rắn cồng kềnh được Ủy ban nhân dân quận – huyện đưa vào nội dung đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận – huyện. Hộ gia đình, chủ nguồn thải phải trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn cồng kềnh theo giá do Ủy ban nhân dân quận – huyện quy định dựa trên mức giá và cơ chế giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Ủy ban nhân dân quận – huyện hỗ trợ xác định vị trí tập kết, xử lý sơ bộ chất thải rắn cồng kềnh (ưu tiên tại các trạm trung chuyển) và tổ chức thực hiện phù hợp với địa phương. Chi phí tháo rã làm giảm thể tích và thu gom chất thải rắn cồng kềnh đến các điểm tập kết được thỏa thuận giữa các bên theo cơ chế giá dịch vụ. Chất thải rắn cồng kềnh được vận chuyển chung với chất thải rắn sinh hoạt đến các khu xử lý chất thải tập trung.

Trường hợp chất thải rắn cồng kềnh được tháo rã và chứa trong thùng 660 lít sẽ tập kết tại các điểm hẹn để vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu xử lý tập trung.

Trường hợp vị trí tập kết chất thải rắn cồng kềnh do Ủy ban nhân dân quận – huyện quy định không phải là trạm trung chuyển hoặc điểm hẹn thì Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định vị trí tập kết, ước tính khối lượng bình quân, tần suất thu gom của các vị trí này để xây dựng, phê duyệt lộ trình, cự ly bình quân và đơn giá riêng cho công tác này để đưa vào hồ sơ mời thầu công tác thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với khu vực đồng dân cư và trong khu công nghiệp, khu chế xuất, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt tối thiểu là 1 ngày/lần. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt tối thiểu 1 – 2 ngày/lần. Tùy vào đặc điểm dân cư từng khu vực, điều kiện cung ứng dịch vụ thực tế và ý kiến của hộ gia đình, chủ nguồn thải, Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn quy định tần suất thu gom phù hợp. Hộ gia đình, chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có thể thỏa thuận tăng tần suất thu gom và trả thêm chi phí cho dịch vụ này. Thỏa thuận này được thống nhất trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn giữa các bên.

1.5. Quy định khác

- Không trộn lẫn và thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại chung với chất thải rắn sinh hoạt tại các chủ nguồn thải.

- Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng từ các hộ gia đình không vượt quá 01% tổng khối lượng của một chuyến xe.

- Thực hiện đúng quy định về thời gian, phương thức, tần suất thực hiện thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn do Ủy ban nhân dân quận – huyện ban hành khi triển khai chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Không thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các tỉnh, thành phố khác khi chưa có sự cho phép của các cơ quan chức năng: Trường hợp phát hiện chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các tỉnh, thành phố khác khi chưa có sự cho phép của các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý điểm hẹn và trạm trung chuyển sẽ từ chối, không tiếp nhận khối lượng chất thải rắn sinh hoạt này; chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải chịu trách nhiệm chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý và phải thanh toán đúng đủ toàn bộ chi phí (vận chuyển, xử lý và các chi phí khác phát sinh liên quan).

2. QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP

2.1. Trước ca làm việc

Hàng ngày trước giờ công tác, chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn kiểm tra kỹ thuật phương tiện thu gom, chuẩn bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động và công cụ lao động.

2.2. Trong ca làm việc

- Căn cứ vào thời gian, tần suất và phương thức thu gom đã thống nhất với các hộ gia đình – chủ nguồn thải, chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn di chuyển phương tiện đến khu vực thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đỗ xe vào bên lề đường, cùng chiều xe lưu thông.

- Tiến hành thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong khu vực chưa vào phương tiện thu gom theo phương thức thu gom đã thỏa thuận trước.

- Quét, thu gom chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi do quá trình thu gom gây ra trước khi di chuyển đến các hộ gia đình/chủ nguồn thải kế tiếp.

- Đối với hộ gia đình, chủ nguồn thải trong hẻm nhỏ không thể di chuyển phương tiện vào tận nơi, chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tìm vị trí phù hợp để đỗ phương tiện, sử dụng thùng chứa chất thải rắn hoặc xe kéo tay nhỏ di chuyển đến từng hộ gia đình, chủ nguồn thải để thu gom chất thải rắn.

- Khi phương tiện thu gom đầy hoặc thu gom hết số lượng hộ gia đình, chủ nguồn thải trong khu vực thực hiện, chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đầy nắp kín thùng chứa đảm bảo không rơi vãi chất thải rắn, nước rỉ rác khi di chuyển. Di chuyển đến tuyến thu gom kế tiếp hoặc di chuyển về điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển đã được Ủy ban nhân dân quận – huyện quy định về thời gian và vị trí hoạt động để chuyển giao chất thải rắn, đảm bảo tuân thủ an toàn giao thông trong quá trình di chuyển. Trong quá trình chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại điểm hẹn và trạm trung chuyển, chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải tuân thủ các quy định theo yêu cầu của đơn vị quản lý điểm hẹn và trạm trung chuyển.

- Tiếp tục thực hiện cho đến khi thu gom hết số lượng hộ gia đình, chủ nguồn thải trong khu vực thực hiện.

3. Kết thúc ca làm việc

- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh phương tiện, thiết bị.
- Cắt công cụ lao động và phương tiện thu gom ngăn nắp, không gây mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông.

3. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH KỸ THUẬT

- Tuân thủ các quy định chung về phương tiện thu gom, trang bị bảo hộ lao động và công cụ lao động.
- Tuân thủ quy trình thực hiện.
- Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của các hộ gia đình, chủ nguồn thải phát sinh theo đúng tần suất, phương thức và thời gian đã thống nhất giữa các bên liên quan.
- Nghiêm cấm việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các tỉnh, thành phố khác về các điểm hẹn và trạm trung chuyển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH KỸ THUẬT

4.1. Quy định đánh giá chất lượng vệ sinh

Dánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

Phương pháp cho điểm: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|---------------|
| - Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : ≥ 9 điểm |
| - Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : 7 – <9 điểm |
| - Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : 5 – <7 điểm |
| - Loại D – chất lượng vệ sinh kém | : < 5 điểm |

4.2. Phương pháp đánh giá

Ghi nhận thực tế và bằng hình ảnh theo nội dung và thang điểm đánh giá tại mục 3 trong quá trình chủ thu gom tại nguồn đang thực hiện thu gom tại nguồn để đánh giá chất lượng vệ sinh dịch vụ được cung cấp.

4.3. Tần suất thực hiện đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

Thực hiện tối thiểu định kỳ 04 lần/tháng tùy theo đặc thù của từng địa phương.

4.4. Nội dung và thang điểm đánh giá

STT	Nội dung đánh giá	Thang điểm
1	Chủ thu gom tại nguồn trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và công cụ lao động	0,5
2	Phương tiện, thiết bị thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	1
3	Phương tiện thu gom tại nguồn có đầy đủ thông tin của đơn vị thu gom: tên chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, số điện thoại liên hệ, địa bàn/khu vực thu gom, cơ quan quản lý	1
4	Quá trình vận chuyển không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác xuống đường	1
5	Tần suất thu gom đúng theo quy định và thỏa thuận	1
6	Thời gian, phương thức thu gom đúng theo thỏa thuận	1
7	Tuân thủ thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm hẹn, trạm trung chuyển theo quy định	1
8	Quét, thu gom chất thải rắn rơi vãi do quá trình thu gom gây ra trước khi di chuyển đến các hộ gia đình/chủ nguồn thải kế tiếp	1
9	Đậy nắp thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt sau khi đầy tải trong quá trình di chuyển đến điểm hẹn/trạm trung chuyển	1
10	Di chuyển phương tiện cùng chiều xe lưu thông	0,5
11	Không treo các túi rác xung quanh (bên ngoài) thùng chứa của phương tiện	0,5
12	Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các hộ gia đình không vượt quá 01% tổng khối lượng của một chuyến xe	0,5
	TỔNG CỘNG	10

5. QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THU GOM CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN

Cho đến khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố, công tác cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được thực hiện như sau:

5.1. Đối với việc cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cho các đối tượng hộ gia đình

- Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn đại diện các hộ gia đình thực hiện ký hợp đồng với chủ thu gom tại nguồn để cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại nguồn.

- Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn ký hợp đồng thỏa thuận về việc cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn với chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và thông báo rộng rãi cho hộ gia đình trong khu vực để biết làm cơ sở đánh giá chất lượng cung ứng dịch vụ và xử lý vi phạm. Nội dung hợp đồng bao gồm các nội dung quy định về phương tiện; trang thiết bị bảo hộ lao động; quy trình kỹ thuật thực hiện; thời gian; phương thức; tần suất; giá dịch vụ và yêu cầu chất lượng vệ sinh; xác định tỷ lệ % cá nhân, hộ gia đình trong đường dây thu gom phản ánh chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt không thực hiện đúng hợp đồng thỏa thuận cung ứng dịch vụ và tần suất nhắc nhở được đại diện các hộ gia đình trong khu vực nhắc bằng văn bản hoặc biên bản họp nhằm tổ chức lấy ý kiến của tập thể các hộ gia đình mà chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn này đang cung ứng dịch vụ để làm cơ sở thay đổi chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Hộ gia đình căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn giữa Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn với chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để đánh giá việc cung ứng dịch vụ của chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Việc xử lý vi phạm hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Nếu quá trình cung ứng dịch vụ của chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn không đúng thời gian, tần suất, không đạt yêu cầu về chất lượng vệ sinh như hợp đồng thỏa thuận thì các hộ gia đình phản ánh cho Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn tổng hợp, kịp thời nhắc nhở chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt (bằng văn bản hoặc biên bản họp) chấn chỉnh công tác này.

5.2. Đối với việc cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cho các đối tượng chủ nguồn thải

Chủ nguồn thải trực tiếp ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn với chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định hiện hành về hợp đồng và đảm bảo các yêu cầu cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt như sau: phương tiện, trang thiết bị bảo hộ lao động, quy trình kỹ thuật thực hiện, thời gian, phương thức, tần suất thu gom được, giá dịch vụ và yêu cầu về chất lượng vệ sinh,.... Chủ nguồn thải căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để đánh giá việc cung ứng dịch vụ của chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Việc xử lý vi phạm hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

QTKT.02/STNMT-CTR
QUÉT DỌN, THU GOM CHẤT THẢI ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ
CÔNG

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Quy định chung về phương tiện thu gom

- Phương tiện thu gom là thùng 660 lít có nắp đậy, kín, không làm rò rỉ nước rác.
 - Xung quanh phương tiện thu gom được sơn hoặc dán đề can phản quang (đối với phương tiện thực hiện vào ban đêm), ghi tên đơn vị chủ quản thực hiện.
 - Không được cơi nới, không treo các túi chứa chất thải rắn trên phương tiện thu gom trong quá trình quét dọn.
 - Chất thải rắn thu gom không được vượt quá thể tích cho phép của phương tiện thu gom.
 - Trang bị đèn cảnh báo vào ban đêm.

1.2. Quy định chung về trang bị bảo hộ lao động

Quần áo bảo hộ lao động, giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang, áo phản quang (vào ban đêm) và các trang bị khác theo quy định.

1.3. Quy định chung về công cụ lao động

Chổi, ky, xẻng, cuốc bàn, dao, biển báo hiệu cảnh báo giao thông, đèn cảnh báo (ban đêm).

1.4. Quy định về thời gian được phép thực hiện

- Ca quét đêm (*ca quét chính*):

- + Thời gian làm việc từ 18 giờ 00 phút hôm trước và kết thúc vào 06 giờ 00 phút sáng hôm sau. Ủy ban nhân dân quận – huyện căn cứ vào tình hình giao thông tại mỗi địa phương để xác định thời gian bắt đầu thực hiện ca quét cho phù hợp để đảm bảo an toàn cho người lao động và vệ sinh đô thị.

- + Thời gian nghiệm thu, thanh toán khối lượng quét dọn theo Luật số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về Bộ Luật Lao động, trong đó Điều 105 Mục 1 Chương VII quy định “giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau”.

- Ca quét ngày (*ca quét phụ*): Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định thời gian quét dọn ca ngày phù hợp với thực tế tại mỗi địa phương.

- Đối với những ngày mưa ngập nước không thể quét hay trời mưa quá to, sắp xếp thời gian quét phù hợp để đảm bảo an toàn cho người lao động và vệ sinh đô thị.

1.5. Tần suất thực hiện

- Đối với ca quét chính:

- + Thực hiện hàng ngày (ít nhất 01 lần/ngày) đối với các tuyến đường chính, trọng điểm, các tuyến đường có mật độ dân cư, giao thông đông đúc, hoạt động phát sinh nhiều chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối với các tuyến đường còn lại: Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định tần suất quét cho phù hợp để đảm bảo chất lượng vệ sinh, hiệu quả ngân sách.

- Đối với ca quét phụ: Ủy ban nhân dân quận – huyện căn cứ vào các quy định hiện hành và tùy vào đặc điểm trên địa bàn từng quận – huyện để xác định sự cần thiết, tần suất và diện tích quét dọn đối với một số tuyến đường trung tâm, tuyến đường cần phải quét dọn theo nguyên tắc đảm bảo chất lượng vệ sinh và sử dụng hiệu quả ngân sách.

1.6. Quy định khác

- **Tỷ lệ xà bần lắn trong rác sinh hoạt:** Tỷ lệ xà bần trộn lắn trong chất thải rắn sinh hoạt không vượt quá 01% thể tích thùng chứa.

- Không trộn lắn và thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- **Vệ sinh phương tiện thu gom:** hàng ngày sau ca làm việc thực hiện vệ sinh xúc, chà rửa phía trong và ngoài thùng xe bằng chất tẩy rửa trước khi cất giữ phương tiện thu gom.

- **Cất giữ công cụ lao động và phương tiện thu gom sau khi kết thúc ca làm việc:** Công cụ lao động, phương tiện thu gom phải được cất giữ ngăn nắp, trật tự, không làm mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông; nếu lưu giữ trên vỉa hè, đường phố phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận – huyện quản lý.

- Phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn những vị trí bị người dân lấn chiếm để đồ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đổ đồng để cơ quan quản lý tăng cường công tác tuyên truyền, kết hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm đối với các hành vi xả thải chất thải rắn không đúng nơi quy định; Ủy ban nhân dân quận – huyện chỉ đạo giao các cá nhân, đơn vị liên quan dọn dẹp và trả lại mặt bằng theo hiện trạng ban đầu trong vòng 24 giờ.

- Báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn các khu vực do xe vận chuyển làm rơi vãi đất, cát, bùn để Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn xác định nguồn gốc chất thải và chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị liên quan khắc phục trong vòng 01 giờ (trong trường hợp có khả năng gây nguy hiểm, mất an toàn giao thông) hoặc trong 24 giờ (trong trường hợp gây mất mỹ quan đô thị) sau khi nhận được thông tin phản ánh.

- Quy trình này làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân quận – huyện tổ chức quản lý và thực hiện quét, vệ sinh đường phố, xây dựng đơn giá, dự toán kinh phí để đấu thầu hoặc đặt hàng lựa chọn đơn vị thực hiện theo quy định để đảm bảo chất lượng vệ sinh các tuyến đường quét dọn; thực hiện nghiệm thu, thanh toán khối lượng công việc thực hiện.

- Đối với các tuyến đường có dải phân cách, Ủy ban nhân dân quận – huyện nghiên cứu quy trình kỹ thuật quét, thu gom, vệ sinh đường phố bằng thủ công (mục 2.1, 2.2) và quy trình kỹ thuật công tác quét, vệ sinh dải phân cách (mục

2.3) để bố trí thực hiện hai quy trình này cùng thời điểm nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh tuyến đường trên phạm vi được giao và hiệu quả ngân sách.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Quy trình kỹ thuật công tác quét, thu gom chất thải đường phố ban ngày bằng thủ công

2.1.1. Phạm vi thực hiện

Thực hiện theo quy định của Bộ định mức ban hành đối với công tác này và các văn bản khác có liên quan.

2.1.2. Quy trình tác nghiệp

- Công nhân ký số theo dõi và nhận công tác tại văn phòng.
- Chuẩn bị, kiểm tra công cụ lao động và mặc đồ bảo hộ lao động.
- Chuẩn bị và kiểm tra tính an toàn của phương tiện thu gom: kiểm tra các bánh xe, tra dầu mỡ,...
- Chuyển công cụ vào phương tiện thu gom và di chuyển đến nơi làm việc.
- Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe đang lưu thông trên đường phố dọc theo tuyến đường được phân công.
- Cảnh giác, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình tác nghiệp.
- Dùng chổi và kỹ thực hiện các công việc:

Thu gom túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đỗ đồng, xà bần

- Hốt xà bần có thể tích bé hơn 0,1 m³.
- Thu gom túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đỗ đồng có thể tích nhỏ hơn 0,2 m³ trong phạm vi được phân công.

Quét dọn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Công nhân dùng chổi và kỹ hốt sạch các chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi được phân công và gom lại thành đồng, sau đó thu gom toàn bộ để vào phương tiện thu gom.
- Khi quét đến mỗi miệng cống, công nhân phải dùng chổi lùa sạch chất thải, bùn, cát nằm trước miệng cống (không được lùa xuống miệng cống).
- Đối với những khu vực bị trũng úng nước, công nhân phải miết chổi dàn nước rộng ra và lùa nước về phía miệng cống gần nhất.
- Đối với những khu vực có cỏ dại, cây dại công nhân dùng cuốc bàn hoặc dao làm sạch cỏ.

- Quét sạch triền lề, rãnh thoát nước. Sau đó, công nhân dùng chổi và kỹ hốt chất thải đã được gom thành đồng để vào phương tiện thu gom cho đến khi đầy và di chuyển đến nơi tập kết. Tiếp tục lấy phương tiện thu gom dự trữ hoặc chờ sau khi giao chất thải cho xe cơ giới, tiếp tục thu gom trên lộ trình được phân công cho đến khi quét hết diện tích được giao.

Chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ phương tiện thu gom sang xe cơ giới

- Trong quá trình tác nghiệp, khi phương tiện thu gom đầy, đậy kín nắp phương tiện thu gom, di chuyển đến điểm hẹn để chuyển sang xe cơ giới.
- Tại điểm hẹn, khi xe cơ giới đến công nhân thu gom cắp phương tiện thu gom nâng đỗ vào gác ép, dùng chổi thu gom chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi trên mặt

đường. Phương tiện thu gom phải ngắn nắp, gọn gàng, không gây cản trở giao thông.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện làm việc về nơi tập kết.
- Chà rửa công cụ lao động, phương tiện thu gom.
- Cất công cụ lao động, phương tiện thu gom và đồ bảo hộ lao động vào nơi quy định.
- Ký số lao động.

2.1.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Tuân thủ các quy định chung về phương tiện thu gom, trang bị bảo hộ lao động và công cụ lao động.
 - Vỉa hè, lòng đường, vòng xoay, tiểu đảo được giữ vệ sinh sạch, không có chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian ca quét.
 - Đảm bảo vệ sinh và lưu giữ an toàn trang thiết bị, phương tiện, không gây cản trở giao thông sau ca làm việc.
 - Thông báo cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn: những vị trí người dân đổ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đỗ đồng; những vị trí rơi vãi đất, cát, bùn.

2.1.4. Diện tích nghiệm thu

Diện tích nghiệm thu được thực hiện theo quy định của Bộ định mức ban hành đối với công tác này và các văn bản khác có liên quan.

2.2. Quy trình kỹ thuật công tác quét, thu gom chất thải đường phố ban đêm bằng thủ công

2.2.1. Phạm vi thực hiện

Thực hiện theo quy định của Bộ định mức ban hành đối với công tác này và các văn bản khác có liên quan.

2.2.2. Quy trình tác nghiệp

- Công nhân ký số theo dõi và nhận công tác tại văn phòng.
- Chuẩn bị, kiểm tra công cụ lao động và mặc đồ bảo hộ lao động.
- Chuẩn bị và kiểm tra tính an toàn của phương tiện thu gom: kiểm tra các bánh xe, tra dầu mỡ,...
- Chuyển công cụ vào phương tiện thu gom và di chuyển đến nơi làm việc.
- Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe đang lưu thông trên đường phố dọc theo tuyến đường được phân công.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình tác nghiệp.
- Dùng chổi và ky/xéng thực hiện các công việc:

Thu gom túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đỗ đồng, xà bần

- Hốt xà bần có thể tích bé hơn 0,1 m³.
- Thu gom túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đỗ đồng có thể tích nhỏ hơn 0,2 m³ trong phạm vi được phân công.

Quét dọn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Công nhân dùng chổi và ky hốt sạch các chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi được phân công và gom lại thành đồng, sau đó thu gom toàn bộ để vào phuong tiện thu gom.

- Khi quét đến mỗi miệng cống, công nhân phải dùng chổi lùa sạch chất thải, bùn, cát nằm trước miệng cống (không được lùa xuống miệng cống).

- Đối với những khu vực bị trũng úng đọng nước, công nhân phải miết chổi dàn nước rộng ra và lùa nước về phía miệng cống gần nhất.

- Đối với những khu vực có cỏ dại, cây dại công nhân dùng cuốc bàn hoặc dao làm sạch cỏ.

- Quét sạch triền lề, rãnh thoát nước. Sau đó, công nhân dùng chổi và ky hốt chất thải đã được gom thành đồng để vào phuong tiện thu gom cho đến khi đầy và di chuyển đến nơi tập kết. Tiếp tục lấy phuong tiện thu gom dự trữ hoặc chờ sau khi giao chất thải cho xe cơ giới, tiếp tục thu gom trên lộ trình được phân công cho đến khi quét hết diện tích được giao.

Chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ phuong tiện thu gom sang xe cơ giới

- Trong quá trình tác nghiệp, khi phuong tiện thu gom đầy, đậy kín nắp phuong tiện thu gom, di chuyển đến điểm hẹn để chuyển sang xe cơ giới.

- Tại điểm hẹn, khi xe cơ giới đến công nhân thu gom cắp thùng nâng đồ vào gầu ép, dùng chổi thu gom chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi trên mặt đường. Phuong tiện thu gom phải ngăn nắp, gọn gàng, không gây cản trở giao thông.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phuong tiện làm việc về nơi tập kết.

- Chà rửa công cụ lao động, phuong tiện thu gom.

- Cất công cụ lao động, phuong tiện thu gom và đồ bảo hộ lao động vào nơi quy định.

- Ký sổ lao động.

2.2.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Tuân thủ các quy định chung về phuong tiện thu gom, trang bị bảo hộ lao động và công cụ lao động.

- Vỉa hè, lòng đường, vòng xoay, tiểu đảo được giữ vệ sinh sạch, không có chất thải rắn sinh hoạt trong thời gian ca quét.

- Đảm bảo vệ sinh và lưu giữ an toàn trang thiết bị, phuong tiện, không gây cản trở giao thông sau ca làm việc.

- Thông báo cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn: những vị trí người dân đổ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đổ đồng; những vị trí rơi vãi đất, cát, bùn.

2.2.4. Diện tích nghiệm thu

Diện tích nghiệm thu được thực hiện theo quy định của Bộ định mức ban hành đối với công tác này và các văn bản khác có liên quan.

2.3. Quy trình kỹ thuật công tác duy trì dài phân cách bằng thủ công

2.3.1. Phạm vi thực hiện

Thực hiện theo quy định của Bộ định mức ban hành đối với công tác này và các văn bản khác có liên quan.

2.3.2. Quy trình tác nghiệp

- Công nhân ký số theo dõi và nhận công tác tại văn phòng.
- Chuẩn bị, kiểm tra công cụ lao động và mặc đồ bảo hộ lao động.
- Chuẩn bị và kiểm tra tính an toàn của phương tiện thu gom: kiểm tra các bánh xe, tra dầu mỡ,...
- Chuyển công cụ vào phương tiện thu gom và di chuyển đến nơi làm việc.
- Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe đang lưu thông trên đường phố dọc theo tuyến đường được phân công.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình tác nghiệp.
- Dùng chổi và ky/xéng thực hiện các công việc:

Quét, thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Công nhân dùng xéng xúc cát ở mép dài phân cách; dùng chổi quét sạch đường sát dài phân cách, lùa chất thải rắn sinh hoạt, cát, lá cây và gom lại thành đống. Sau đó, dùng chổi và ky hốt chất thải rắn sinh hoạt, cát, lá cây đã được gom thành đống, để vào thiết bị thu gom.

- Đối với khu vực có dài phân cách mềm thì phải luồn chổi qua kẽ các thanh chắn, quét sạch cả phần đường đặt dài phân cách.
- Khi phương tiện thu gom đầy, di chuyển đến nơi tập kết. Tiếp tục lấy thiết bị thu gom dự trữ hoặc chờ sau khi giao chất thải rắn sinh hoạt cho xe cơ giới, tiếp tục thu gom trên lộ trình được phân công cho đến khi quét hết diện tích được giao.

Chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ phương tiện thu gom sang xe cơ giới

- Trong quá trình tác nghiệp, khi phương tiện thu gom đầy, đậu kín nắp phương tiện thu gom, di chuyển đến điểm hẹn để chuyển sang xe cơ giới.
- Tại điểm hẹn, khi xe cơ giới đến công nhân thu gom cắp thùng nâng đồ vào gầu ép, dùng chổi thu gom chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi trên mặt đường. Phương tiện thu gom phải ngăn nắp, gọn gàng, không gây cản trở giao thông.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện làm việc về nơi tập kết.
- Chà rửa công cụ lao động, phương tiện thu gom.
- Cất công cụ lao động, phương tiện thu gom và đồ bảo hộ lao động vào nơi quy định.
- Ký số lao động.

2.3.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Tuân thủ các quy định chung về phương tiện thu gom, trang bị bảo hộ lao động và công cụ lao động.
- Đảm bảo chất lượng vệ sinh tuyến đường được phân công trong ca làm việc.
- Đảm bảo vệ sinh và lưu giữ an toàn trang thiết bị, phương tiện, không gây cản trở giao thông sau ca làm việc.

- Thông báo cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn: những vị trí người dân đổ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đổ đồng; những vị trí rơi vãi đất, cát, bùn.

2.3.4. Diện tích nghiệm thu

Diện tích nghiệm thu được thực hiện theo quy định của Bộ định mức ban hành đối với công tác này và các văn bản khác có liên quan.

3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

3.1. Quy định đánh giá chất lượng vệ sinh

Đánh giá chất lượng vệ sinh theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

Phương pháp cho điểm: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|--------------------------|
| - Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : ≥ 9 điểm |
| - Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : Từ 7 điểm đến < 9 điểm |
| - Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : Từ 5 điểm đến < 7 điểm |
| - Loại D – chất lượng vệ sinh kém | : < 5 điểm |

3.2. Phương pháp đánh giá

Ghi nhận thực tế và bằng hình ảnh theo nội dung và thang điểm đánh giá tại mục 3.4 trong quá trình người công nhân đang thực hiện quét, thu gom chất thải để đánh giá chất lượng vệ sinh dịch vụ được cung cấp.

3.3. Tần suất thực hiện đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

Ủy ban nhân dân quận – huyện chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng cung ứng dịch vụ thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh trên địa bàn quản lý. Tùy thuộc vào đặc thù của mỗi quận – huyện để xác định tần suất thực hiện phù hợp.

3.4. Nội dung và thang điểm đánh giá

3.4.1. Công tác quét, thu gom chất thải đường phố ban ngày bằng thủ công

STT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Ghi chú thời điểm đánh giá
1	Trang bị đồ bảo hộ lao động, công cụ lao động và phương tiện thu gom	1	
1.1	Trang bị đầy đủ công cụ và đồ bảo hộ lao động	0,5	Trong thời gian ca quét
1.2	Phương tiện thu gom đảm bảo: Có nắp đậy thùng chứa, không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác xuống đường, phía ngoài thùng xe ghi tên đơn vị chủ quản	0,5	Trong thời gian ca quét
2	Tuân thủ quy trình quét dọn	3,5	
2.1	Sử dụng biển cảnh giới an toàn, quá	0,5	Trong thời gian ca quét

	trình tác nghiệp không gây cản trở giao thông		
2.2	Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe lưu thông	0,5	Trong thời gian ca quét
2.3	Không coi nói, không treo túi bịch xung quanh thân thùng xe	0,5	Trong thời gian ca quét
2.4	Chất thải rắn thu gom không vượt quá thể tích cho phép của thùng xe	1	Trong thời gian ca quét
2.5	Không lùa chất thải rắn, bùn, cát xuống miệng cống	0,5	Trong thời gian ca quét
2.6	Đậy kín nắp phương tiện thu gom chất thải sau khi đầy	0,5	Trong thời gian ca quét
3	Dảm bảo chất lượng vệ sinh trong ca làm việc	4	
3.1	Không còn chất thải rắn sinh hoạt, lá cây, đất, cát, bùn, xà bần, cỏ dại trên lòng đường, vỉa hè, trước miệng hố ga, song chắn chất thải	3	Trong phạm vi 50m phía sau từ vị trí người công nhân vừa thực hiện xong thao tác.
3.2	Không còn vũng nước tồn đọng hoặc còn ít ở những khu vực khó quét	1	Trong thời gian ca quét dọn và khắc phục tình trạng đọng nước (nếu có) ngay sau 01 giờ sau khi hết mưa
4	Vệ sinh và lưu giữ trang thiết bị, phương tiện thu gom sau ca làm việc	1	
4.1	Trang thiết bị, phương tiện thu gom được vệ sinh	0,5	Sau ca quét
4.2	Trang thiết bị, phương tiện thu gom lưu giữ an toàn, không gây cản trở giao thông (có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân quận – huyện nếu lưu giữ trên vỉa hè)	0,5	Sau ca quét
5	Thông tin về chất lượng vệ sinh	0,5	
5.1	Thông báo cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn: những vị trí người dân đổ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đồ đồng; những vị trí rơi vãi đất, cát, bùn; những vị trí đọng nước do bị tắt lỗ thoát nước hoặc đọng nước do mặt đường bị trũng, lún	0,5	Trong thời gian ca quét
	TỔNG	10	

3.4.2. Công tác quét, thu gom chất thải đường phố ban đêm bằng thủ công

STT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Ghi chú thời điểm đánh giá
1	Trang bị đồ bảo hộ lao động, công cụ lao động và phương tiện thu gom	1	
1.1	Trang bị đầy đủ công cụ và đồ bảo hộ lao động	0,5	Trong thời gian ca quét
1.2	Phương tiện thu gom đảm bảo: Có nắp đậy thùng chứa, không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác xuống đường, phía ngoài thùng xe ghi tên đơn vị chủ quản	0,5	Trong thời gian ca quét
2	Tuân thủ quy trình quét dọn	3,5	
2.1	Sử dụng biển cảnh giới an toàn, quá trình tác nghiệp không gây cản trở giao thông	0,5	Trong thời gian ca quét
2.2	Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe lưu thông	0,5	Trong thời gian ca quét
2.3	Không coi nói, không treo túi bịch xung quanh thân thùng xe	0,5	Trong thời gian ca quét
2.4	Chất thải rắn thu gom không vượt quá thể tích cho phép của thùng xe	1	Trong thời gian ca quét
2.5	Không lùa chất thải rắn, bùn, cát xuống miệng công	0,5	Trong thời gian ca quét
2.6	Đậy kín nắp phương tiện thu gom chất thải sau khi đầy	0,5	Trong thời gian ca quét
3	Đảm bảo chất lượng vệ sinh trong ca làm việc	4	
3.1	Không còn chất thải rắn sinh hoạt, lá cây, đất, cát, bùn, xà bần, cỏ dại trên lòng đường, vỉa hè, trước miệng hố ga, song chắn chất thải	3	Trong phạm vi 50m phía sau từ vị trí người công nhân vừa xong thao tác.
3.2	Không còn vũng nước tồn đọng hoặc còn ít ở những khu vực khó quét	1	Trong thời gian ca quét dọn và khắc phục tình trạng đọng nước (nếu có) ngay sau 01 giờ sau khi hết mưa
4	Vệ sinh và lưu giữ trang thiết bị, phương tiện thu gom sau ca làm việc	1	
4.1	Trang thiết bị, phương tiện thu gom được vệ sinh	0,5	Sau ca quét

4.2	Trang thiết bị, phương tiện thu gom lưu giữ an toàn, không gây cản trở giao thông (có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân quận – huyện nếu lưu giữ trên vỉa hè)	0,5	Sau ca quét
5	Thông tin về chất lượng vệ sinh	0,5	
5.1	Thông báo cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn: những vị trí người dân đổ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đồ đồng; những vị trí roi vãi đất, cát, bùn	0,5	Trong thời gian ca quét
TỔNG		10	

3.4.3. Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

STT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Ghi chú thời điểm đánh giá
1	Trang bị đồ bảo hộ lao động, công cụ lao động và phương tiện thu gom	1,5	
1.1	Trang bị đầy đủ công cụ và đồ bảo hộ lao động	0,5	Trong thời gian ca quét
1.2	Phương tiện thu gom đảm bảo: Có nắp đậy thùng chứa, không làm rỉ nước rác, phía ngoài thùng xe ghi tên đơn vị chủ quản	1	Trong thời gian ca quét
2	Tuân thủ quy trình quét dọn	3	
2.1	Sử dụng biển cảnh giới an toàn, quá trình tác nghiệp không gây cản trở giao thông	0,5	Trong thời gian ca quét
2.2	Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe lưu thông	0,5	Trong thời gian ca quét
2.3	Không cơi nới, không treo túi bịch xung quanh thân thùng xe	0,5	Trong thời gian ca quét
2.4	Chất thải rắn thu gom không vượt quá thể tích cho phép của thùng xe	0,5	Trong thời gian ca quét
2.5	Đậy kín nắp phương tiện thu gom chất thải sau khi đổ	1	Trong thời gian ca quét
3	Đảm bảo chất lượng vệ sinh trong ca làm việc	4	
3.1	Sạch chất thải rắn, lá cây, đất, cát, bùn, cỏ dại khu vực dải phân cách	4	Trong phạm vi 50m phía sau từ vị trí người công nhân vừa xong thao tác.

4	Vệ sinh và lưu giữ trang thiết bị, phương tiện thu gom sau ca làm việc	1	
4.1	Trang thiết bị, phương tiện thu gom được vệ sinh	0,5	Sau ca quét
4.2	Trang thiết bị, phương tiện thu gom lưu giữ an toàn, không gây cản trở giao thông (có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân quận – huyện nếu lưu giữ trên vỉa hè)	0,5	Sau ca quét
5	Thông tin về chất lượng vệ sinh	0,5	
5.1	Thông báo cho đơn vị quản lý, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã – thị trấn: những vị trí người dân đổ xà bần, túi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đổ đồng; những vị trí rơi vãi đất, cát, bùn	0,5	Trong thời gian ca quét
	TỔNG	10	

QTKT.03/STNMT-CTR
THU GOM, VẬN CHUYỂN, VẬN HÀNH TRẠM TRUNG CHUYỂN CHẤT
THẢI RĂN SINH HOẠT

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Quy định về thành phần chất thải rắn sinh hoạt

- Nghiêm cấm hành vi đổ nước vào chất thải rắn sinh hoạt (để tăng khối lượng vận chuyển).
 - Không thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại.
 - Không thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng vượt quá tỷ lệ do cơ quan chức năng quy định.
 - Không vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc từ tỉnh thành lân cận thành phố Hồ Chí Minh khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan chức năng.

1.2. Quy định về phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1.2.1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ quy định của Luật Giao thông đường bộ; quy định về thời gian, tuyến đường lưu thông trên địa bàn thành phố; không phát sinh mùi hôi; không rơi vãi nước rỉ rác, chất thải rắn sinh hoạt; được vệ sinh, khử mùi trước khi ra khỏi khu vực trạm trung chuyển, khu xử lý tập trung và sau quá trình tác nghiệp; có đầy đủ thông tin về chủ vận chuyển (tên, địa chỉ, số điện thoại), dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RĂN SINH HOẠT” ở hai bên của phương tiện; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (quyền truy cập hệ thống, thông tin lộ trình được cung cấp cho cơ quan quản lý theo quy định) hoặc các thiết bị khác theo yêu cầu cụ thể của cơ quan quản lý như camera giám sát, cảm biến đo đặc khối lượng chất thải (nếu có).

1.2.2. Thông tin phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu được liệt kê dưới đây, Ủy ban nhân dân các quận – huyện có thể quy định bổ sung thông tin để phục vụ công tác quản lý tại địa phương:

- Chủ vận chuyển.
- Biển kiểm soát.
- Nhãn hiệu.
- Loại phương tiện: xe ép, hooklift.
- Tải trọng phương tiện: khối lượng hàng chuyên chở cho phép, khối lượng bản thân xe và khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông.
- Năm sản xuất, năm hết hạn sử dụng/lưu hành.
- Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và các thiết bị giám sát khác.

Thông tin phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được xây dựng để phục vụ cho các công tác: lập, thẩm tra, phê duyệt, điều chỉnh lộ trình, thu gom vận chuyển; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu cung ứng dịch vụ vận chuyển; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố và các công tác quản lý nhà nước khác có liên quan.

1.3. Quy định về điểm hẹn

1.3.1. Căn cứ nhu cầu thực tế hiện trạng tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên từng địa bàn, quy hoạch xử lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, Ủy ban nhân dân quận – huyện là đơn vị xác định điểm hẹn bao gồm các thông tin: vị trí; số lượng, khối lượng, nguồn gốc chất thải tập kết; thời gian hoạt động; loại phương tiện thu gom tại nguồn tập kết, loại phương tiện vận chuyển và địa điểm tập kết chất thải sau thu gom (vận chuyển thẳng về Khu xử lý chất thải rắn tập trung hoặc trung chuyển về trạm trung chuyển).

1.3.2. Vị trí lựa chọn điểm hẹn phải tuân thủ quy định về giao thông đường bộ, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường; phải cách xa tối thiểu 05 m nơi kinh doanh thực phẩm, cổng bệnh viện, trường học, các khu vực ngoại giao, cơ quan hành chính, các điểm giao lộ và phải cách xa tối thiểu bán kính 01 km từ trạm trung chuyển hoặc Khu xử lý chất thải rắn tập trung.

1.3.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại điểm hẹn tương đương không quá 4 – 5 thùng 660 lít (hoặc các phương tiện thu gom tại nguồn có khối lượng chất thải tương đương) ở cùng một thời điểm và hoạt động không quá 01 giờ. Đối với các điểm hẹn nằm cách xa khu dân cư, quy mô tập kết chất thải rắn với khối lượng tương đương không quá 10 thùng 660 lít (hoặc các phương tiện thu gom tại nguồn có khối lượng chất thải tương đương) ở cùng một thời điểm và hoạt động không quá 01 giờ.

1.3.4. Sau mỗi lượt chất thải được thu gom hết tại điểm hẹn, điểm hẹn phải được vệ sinh ngay, không để trễ quá 01 giờ.

1.3.5. Không tổ chức phân loại, tập kết phế liệu xung quanh khu vực điểm hẹn.

1.3.6. Thông tin điểm hẹn phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu được liệt kê dưới đây, Ủy ban nhân dân các quận – huyện có thể quy định bổ sung thông tin để phục vụ công tác quản lý tại địa phương:

- Tên điểm hẹn:

Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định cụ thể tên điểm hẹn theo tình hình thực tế tại địa phương.

- Vị trí điểm hẹn:

Vị trí điểm hẹn phải có địa chỉ cụ thể: số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện và thông tin về tọa độ (kinh độ, vĩ độ). Trong trường hợp không có địa chỉ cụ thể phải có tối thiểu các thông tin như: trước/gần/đối diện số nhà, đường, phường/xã.

- Nguồn gốc chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại điểm hẹn:

Chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại điểm hẹn phải rõ nguồn gốc, cụ thể: từ thu gom tại nguồn, từ quét dọn vệ sinh đường phố, từ chợ,... và phải được cụ thể bằng khối lượng tập kết tương ứng tại điểm hẹn.

- Phương tiện thu gom tập kết tại điểm hẹn:

Phương tiện thu gom tập kết tại điểm hẹn phải có đầy đủ các thông tin: chủ thu gom, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện do Ủy ban nhân dân quận – huyện

xác định, loại phương tiện, tải trọng hoặc khối lượng chất thải chuyên chở, thời gian tập kết tại điểm hẹn, số chuyến, địa bàn/ khu vực thu gom.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại điểm hẹn trình bày bằng đơn vị tấn/ngày.

- Thời gian hoạt động điểm hẹn:

Thông tin thời gian hoạt động của điểm hẹn cụ thể như sau: từ...giờ đến00 giờ... hoặc từ...giờ đến00 giờ... và từ...giờ đến00 giờ.... Trong trường hợp điểm hẹn có nhiều hơn 01 lần/ca tập kết chất thải thì thể hiện chi tiết thời gian của từng lần/ca và khối lượng chất thải tập kết tương ứng.

- Loại phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm hẹn về trạm trung chuyển hoặc Khu xử lý chất thải rắn tập trung: các xe ép theo quy định hiện hành.

Thông tin về điểm hẹn được xây dựng để phục vụ cho các công tác: lập, thẩm tra, phê duyệt, điều chỉnh lộ trình, thu gom vận chuyển; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu cung ứng dịch vụ vận chuyển; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố và các công tác quản lý nhà nước khác có liên quan.

1.4. Các quy định về trạm trung chuyển

1.4.1. Quy định chung

- a) Vị trí Trạm trung chuyển phải phù hợp với qui định chung của ngành.
- b) Sử dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo kín không gây ô nhiễm môi trường
- c) Trạm trung chuyển phải tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
- d) Đảm bảo hoạt động không vượt công suất thiết kế.
- d) Thời gian hoạt động đảm bảo hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, mùi hôi và trật tự, an toàn giao thông đến khu vực xung quanh.
- e) Có nội quy hoạt động; đường kẻ chỉ dẫn hướng xe ra vào, đậu chờ trong trạm, đường kẻ quy định ranh giới khu vực tiếp nhận chất thải rắn và các biển báo hiệu về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- g) Có Nhật ký vận hành trạm trung chuyển bao gồm: Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải tiếp nhận/vận chuyển tại trạm và Nhật ký theo dõi vận hành các hệ thống xử lý môi trường (khí thải, nước thải, mùi hôi). Nhật ký theo dõi vận chuyển nước rỉ rác (đối với trường hợp vận chuyển nước rỉ rác xử lý tại các trạm trung chuyển, Khu xử lý nước rỉ rác tập trung). Uỷ ban nhân dân các quận – huyện có thể bổ sung nội dung của từng loại Nhật ký hoặc bổ sung Nhật ký khác để phục vụ công tác quản lý của địa phương. Nhật ký vận hành trạm trung chuyển được lập để phục vụ công tác quản lý nội bộ của đơn vị vận hành trạm trung chuyển và là hồ sơ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Nhật ký lưu giữ tối thiểu 02 năm.

g.1) Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải tiếp nhận bao gồm tối thiểu các thông tin sau: chủ phương tiện thu gom, vận chuyển, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện do Ủy ban nhân dân quận – huyện

xác định, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào) trạm trung chuyển, số chuyến/ngày, địa bàn/khu vực thu gom, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện thu gom khi vào/ra trạm (**theo quy định chung về phương tiện thu gom quy định tại QTKT.01/STNMT-CTR**), sự tuân thủ các quy định đồ chất thải tại trạm trung chuyển của tổ chức, cá nhân thu gom.

g.2) Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải vận chuyển bao gồm tối thiểu các thông tin sau: chủ vận chuyển, biển kiểm soát, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào), số chuyến/ngày, địa điểm nhà máy xử lý theo lộ trình đã xác định, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện vận chuyển khi vào/ra trạm (**theo quy định chung về phương tiện vận chuyển quy định tại QTKT.03/STNTM-CTR**), tuân thủ các quy định vận chuyển tại trạm trung chuyển.

g.3) Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, mùi hôi bao gồm tối thiểu các thông tin sau.

g.3.1) Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải:

- Thời gian vận hành.
- Lưu lượng nước thải/ca,
- Loại và lượng hóa chất sử dụng/ca.
- Lượng điện tiêu thụ/ca.

g.3.2) Nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải:

- Thời gian vận hành.
- Loại và lượng hóa chất sử dụng/ca.
- Lượng điện tiêu thụ/ca.

g.3.3) Nhật ký vận hành hệ thống xử lý mùi hôi:

- Thời gian vận hành.
- Loại và lượng hóa chất sử dụng/ca.
- Lượng điện tiêu thụ/ca.

g.3.4) Nhật ký thu gom, vận chuyển nước rỉ rác

- Thời gian thu gom, vận chuyển nước rỉ rác.
- Loại phương tiện, số lượng nước rỉ rác thu gom, vận chuyển.
- Đơn vị vận chuyển.
- Địa điểm xử lý, đơn vị tiếp nhận.

h) Không tổ chức phân loại, tập kết phế liệu xung quanh khu vực trạm trung chuyển.

i) Thông tin trạm trung chuyển phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu được liệt kê dưới đây; Ủy ban nhân dân các quận – huyện có thể quy định bổ sung thông tin để phục vụ công tác quản lý tại địa phương:

- Tên trạm trung chuyển:

Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định cụ thể tên trạm trung chuyển theo tình hình thực tế tại địa phương.

- Vị trí trạm trung chuyển:

+ Vị trí trạm trung chuyển phải có đầy đủ thông tin: số ..., đường..., phường/xã ...; tọa độ (kinh độ, vĩ độ).

- Công suất:

Theo thiết kế kỹ thuật của trạm trung chuyển đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị tính: tấn/ngày.

- Công nghệ trạm trung chuyển.

- Phạm vi phục vụ của trạm trung chuyển: trạm trung chuyển phục vụ liên quận – huyện hoặc trạm trung chuyển phục vụ quận – huyện.

- Nguồn gốc chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại trạm trung chuyển:

Chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại trạm trung chuyển phải rõ nguồn gốc: từ hoạt động thu gom tại nguồn, thu gom rác quét đường, do chủ nguồn thải tự vận chuyển đến, và phải được cụ thể bằng khối lượng tập kết tương ứng tại trạm trung chuyển.

- Phương tiện thu gom tập kết đến và phương tiện vận chuyển đi chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển:

+ Phương tiện thu gom tập kết đến trạm trung chuyển phải có đầy đủ các thông tin: chủ thu gom/chủ vận chuyển, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện do Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định; loại phương tiện, tải trọng hoặc khối lượng chất thải chuyên chở, thời gian tập kết (ra/vào) tại trạm trung chuyển, số chuyến, địa bàn/khu vực thu gom, vận chuyển.

+ Phương tiện vận chuyển đi từ trạm trung chuyển đến các Khu xử lý chất thải tập trung phải có đầy đủ các thông tin: chủ vận chuyển, biển kiểm soát, loại phương tiện, tải trọng (ra/vào), thời gian tập kết (ra/vào), số chuyến, địa điểm nhà máy xử lý.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tập kết đến và vận chuyển đi tại trạm trung chuyển: tấn/ngày.

- Thời gian hoạt động trạm trung chuyển:

+ Theo quy định của Ủy ban nhân dân quận – huyện, nhưng không quá 24 giờ.

+ Thời gian hoạt động của trạm trung chuyển bao gồm thời gian chất thải rắn sinh hoạt tập kết đến và vận chuyển đi tại trạm trung chuyển. Ủy ban nhân dân quận – huyện quy định chi tiết thời gian tiếp nhận và vận chuyển tại trạm.

Thông tin về trạm trung chuyển được xây dựng để phục vụ cho các công tác: lập, thẩm tra, phê duyệt, điều chỉnh lộ trình, thu gom vận chuyển; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu cung ứng dịch vụ vận chuyển; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt của thành phố và các công tác quản lý nhà nước khác có liên quan

1.4.2. Quy định hạ tầng kỹ thuật

a) Trạm trung chuyển nhỏ

- Khu vực tiếp nhận và lưu trữ chất thải rắn phải có mái che.

- Nền bô rác bằng bê tông chịu được tải trọng của xe ra vào trạm.

- Xung quanh trạm có tường rào bao quanh cao tối thiểu 4m.

- Hệ thống mương và hố thu tập trung nước mưa.

- Hệ thống thu nước rửa xe và nước rỉ rác.
- Hệ thống xử lý nước rỉ rác (nếu có). Đối với các trạm trung chuyển hiện hữu không có hệ thống xử lý nước rỉ rác, nước rỉ rác phải được thu gom tại chỗ, sau đó vận chuyển để xử lý tại các trạm trung chuyển có hệ thống xử lý nước thải hoặc tại các khu xử lý nước rỉ rác tập trung. Địa điểm xử lý nước rỉ rác do Sở Tài nguyên và Môi trường quy định.
 - Hệ thống phun xịt chế phẩm khử mùi (tự động hoặc thủ công).
 - Hệ thống cung cấp điện, nước.
 - Hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- b) Trạm ép rác kín**
 - Tường rào bao quanh với chiều cao tối thiểu là 5m.
 - Nhà bao che kín toàn bộ khu vực tiếp nhận chất thải rắn.
 - Mặt bằng được tráng bằng bê tông chịu được tải trọng của xe ra vào trạm.
 - Hệ thống thu nước mưa và thoát nước mưa.
 - Hệ thống thu nước rửa sàn, rửa xe và nước rỉ rác.
 - Hệ thống xử lý nước rỉ rác (nếu có). Đối với các trạm trung chuyển hiện hữu không có hệ thống xử lý nước rỉ rác, nước rỉ rác phải được thu gom tại chỗ, sau đó vận chuyển để xử lý tại các trạm trung chuyển có hệ thống xử lý nước thải hoặc tại các khu xử lý nước rỉ rác tập trung. Địa điểm xử lý nước rỉ rác do Sở Tài nguyên và Môi trường quy định.
 - Hệ thống phun xịt chế phẩm khử mùi.
 - Trạm cân (đối với trạm ép tiếp nhận chất thải rắn của nhiều quận – huyện).
 - Hệ thống cung cấp điện, nước, chiếu sáng.
 - Hệ thống phòng cháy chữa cháy.
 - Cổng bảo vệ.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

2.1. Quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm hẹn vận chuyển về Trạm trung chuyển hoặc vận chuyển thẳng đến Khu xử lý tập trung

2.1.1. Quy định về phương tiện, dụng cụ lao động, nhân công và bảo hộ lao động

- Phương tiện: xe ép loại nhỏ hoặc xe ép loại lớn (sử dụng vận chuyển chất thải rắn thẳng lên Khu xử lý chất thải rắn tập trung) có gắn máng tiếp nhận chất thải rắn hoặc thiết bị nâng thùng thu gom thô sơ 660 lit.

- Dụng cụ lao động: chổi, ky, xêng, bình xịt chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi (dung tích đủ chứa lượng chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi trong một ca làm việc), biển báo hiệu đang tiếp nhận rác.

- Nhân công: tài xế, công nhân lao động phổ thông.

- Lái xe và công nhân lao động phổ thông được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động gồm: khẩu trang, găng tay cao su/ vải, áo (có phản quang) và quần bảo hộ lao động, giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

2.1.2. Quy trình tác nghiệp

- Trước khi vào giờ công tác, lái xe và công nhân vận hành kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật; chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động theo qui định và kiểm tra lộ trình thu gom, vận chuyển đã xác định.

- Lái xe điều khiển phương tiện vận chuyển đến hẹn đầu tiên của lộ trình thu gom chất thải rắn đã xác định; công nhân vận hành tiến hành đặt biển báo hiệu cách đuôi xe thu gom về phía ngược chiều dòng xe lưu thông.

- Công nhân lao động phổ thông bắt đầu thực hiện thao tác nạp chất thải rắn từ phương tiện thu gom vào máng hứng của xe. Xe liên tục nạp chất thải rắn đến khi đầy đến khối lượng hoàng chuyên chở cho phép của thùng ép hoặc hết chất thải rắn tại điểm hẹn đó. Thu dọn sạch chất thải rắn rơi vãi tại mặt bằng điểm hẹn, thực hiện phun xịt chế phẩm sinh học /hóa chất khử mùi miệng nạp chất thải rắn của xe và vị trí điểm hẹn, đậy kín miệng nạp chất thải rắn và thu dọn điểm bão.

- Tiếp theo đó, lái xe điều khiển phương tiện vận chuyển đến điểm hẹn kế tiếp theo lộ trình đã định hoặc về Trạm trung chuyển, Khu xử lý chất thải rắn tập trung. Tại đây, các phương tiện vận chuyển phải thao tác theo hướng dẫn của đơn vị vận hành Trạm trung chuyển hoặc Khu xử lý chất thải rắn tập trung để xả đổ chất thải rắn.

- Khi xe đã đổ chất thải rắn xong tại Trạm trung chuyển hoặc Khu xử lý chất thải rắn tập trung, xịt rửa bánh xe và xung quanh thùng xe, tiếp tục thực hiện qui trình thu gom chất thải rắn tiếp theo như các bước trên cho đến khi kết thúc ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe và công nhân vận hành vệ sinh phương tiện, thiết bị, giao ca.

2.1.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Tuân thủ các Quy định chung ở Phần 1- mục 1.3 về Điểm hẹn.

- Thời gian phương tiện vận chuyển đến điểm hẹn không trễ quá 15 phút.

- Phải tiếp nhận hết khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại các điểm hẹn trong thời gian quy định và đảm bảo không vượt khối lượng hàng chuyên chở cho phép của phương tiện vận chuyển.

- Ghi nhận thông tin về tên chủ phương tiện, nguồn gốc chất thải rắn tiếp nhận (chất thải rắn được thu gom từ địa bàn phường/xã, quận - huyện), số lượng, chủng loại phương tiện thu gom chuyển giao chất thải rắn tại điểm hẹn và khối lượng chất thải rắn (thông qua dung tích chứa) vào sổ nhật ký công tác.

- Sau khi kết thúc thu gom, điểm hẹn phải được quét dọn không còn chất thải rắn rơi vãi.

- Quá trình vận chuyển không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt và nước rỉ rác, phải che kín miệng nạp chất thải rắn khi lưu thông.

- Kiểm soát và thu gom kịp thời chất thải rắn đổ bừa bãi ngoài thời gian tác nghiệp chính tại điểm hẹn (sau 1 giờ tác nghiệp chính).

2.2. Quy trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ Trạm trung chuyển đến Khu xử lý chất thải rắn tập trung

2.2.1. Quy định về phương tiện, dụng cụ lao động, nhân công, dụng cụ bảo hộ lao động

- Phương tiện: xe ép lớn hoặc xe hooklift.
- Dụng cụ lao động: 01 bình xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi (dung tích đủ chứa lượng chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi trong một ca làm việc).
- Nhân công: tài xế, công nhân lao động phổ thông.
- Lái xe và công nhân lao động phổ thông được trang bị bảo hộ lao động gồm: khẩu trang, găng tay cao su/ vải, áo (có phản quang) và quần bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

2.2.2. Quy trình tác nghiệp

Trước khi vào giờ công tác, lái xe và công nhân vận hành kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động theo quy định.

a) Đối với xe ép có gắn máng xúc vận chuyển chất thải rắn tại các Trạm trung chuyển nhỏ

- Lái xe đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn: Lái xe và công nhân phổ thông sử dụng máng ép chất thải rắn, xúc ép chất thải rắn vào thùng xe. Ép chất thải rắn cho đến khối lượng hàng chuyên chở cho phép.

- Sau đó qua hệ thống phun rửa bên ngoài bánh xe, phun xịt chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi xung quanh thùng xe và miệng ép chất thải rắn. Đậy kín miệng ép chất thải rắn.

- Lái xe đến Khu xử lý chất thải rắn tập trung theo lộ trình đã được xác định cụ thể.

- Tiếp tục lặp lại quy trình như trên theo kế hoạch điều độ chung cho đến khi hết ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe và công nhân vận hành, vệ sinh phương tiện, thiết bị, giao ca.

b) Đối với xe hooklift (có thiết bị ép đi kèm hoặc thiết bị ép tại trạm) vận chuyển chất thải rắn tại các trạm ép rác kín

- Lái xe qua trạm cân, cân xe không tải; lái xe đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn, sử dụng ròmóc đặt thùng ép kín rỗng xuồng;

- Nạp chất thải rắn từ phương tiện thu gom vào thùng ép kín;

- Thu gom quét dọn chất thải rắn rơi vãi trên thùng ép kín;

- Điều khiển nạp chất thải rắn đến lúc đầy thùng ép kín đến khối lượng hàng chuyên chở cho phép;

- Sử dụng rò-móc móc cầu thùng ép kín đã nạp rác; chạy qua hệ thống phun rửa bên ngoài bánh xe, phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi xung quanh thùng.

- Lái xe qua trạm cân để cân tổng tải trọng của xe, lấy phiếu xác nhận của trạm cân; lái xe đến vị trí đậu chờ hoặc vận chuyển thẳng lên Khu xử lý chất thải rắn tập trung.

- Tiếp tục lặp lại quy trình như trên theo kế hoạch điều độ chung cho đến khi hết ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe và công nhân vận hành vệ sinh xe và thiết bị.

c) Đối với xe hooklift (container không ép) vận chuyển chất thải rắn tại các trạm ép rác kín

- Lái xe qua trạm cân, cân xe không tải; lái xe đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn;

- Đợi cho đến khi phương tiện được xúc đẩy chất thải rắn đến khỏi lượng hàng chuyên chở cho phép, vun gọn chất thải rắn trên xe, đậy kín container chứa chất thải rắn;

- Chạy qua hệ thống phun rửa bên ngoài bánh xe, phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi xung quanh thùng.

- Lái xe qua trạm cân để cân tổng tải trọng của xe, lấy phiếu xác nhận của trạm cân; lái xe đến vị trí đậu chờ hoặc vận chuyển thẳng lên Khu xử lý chất thải rắn tập trung.

- Tiếp tục lập lại quy trình như trên theo kế hoạch điều độ chung cho đến khi hết ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe và công nhân vận hành vệ sinh phương tiện và thiết bị, giao ca

2.2.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đảm bảo phương tiện vận chuyển đã được rửa, phun xịt chế phẩm sinh học/khử mùi trước khi lưu thông trên đường;

- Quá trình vận chuyển chất thải rắn không làm rơi vãi chất thải rắn, không đổ nước rác xuống đường, miệng ép phải được che đậy kín (đối với xe ép rác).

- Xung quanh bánh xe không dính bám chất thải rắn /đất.

- Vận chuyển đúng lộ trình đã được phê duyệt.

3. QUY TRÌNH KỸ THUẬT TẠI ĐIỂM HẸN, TRẠM TRUNG CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

3.1. Quy trình vệ sinh điểm hẹn

3.1.1. Quy trình về phương tiện, dụng cụ lao động, nhân công, dụng cụ bảo hộ lao động

- Phương tiện: xe bồn chứa nước có hệ thống bơm phun xịt nước.

- Dụng cụ lao động: chổi quét, 02 biển báo hiệu đang tác nghiệp vệ sinh điểm hẹn

- Nhân công: tài xế, công nhân lao động phổ thông.

- Công nhân lao động phổ thông được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động gồm có: găng tay cao su/ vải, áo có phản quang và quần bảo hộ lao động; giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

3.1.2. Quy trình tác nghiệp

- Trước khi vào giờ công tác, lái xe và công nhân vận hành kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động theo quy định

- Lái xe đến điểm hẹn đầu tiên trên lộ trình vệ sinh điểm hẹn đã định, đặt thiết bị cảnh báo đang tác nghiệp cách đuôi xe về phía ngược chiều phương tiện giao thông.

- Phun xịt nước và chổi quét, đẩy nước về phía miệng cống thoát nước gần nhất cho đến khi nước không còn đọng vũng.

- Thu dọn thiết bị lên xe và tiếp tục di chuyển đến điểm hẹn tiếp theo, lặp lại các thao tác vệ sinh như trên; cứ tiếp tục như vậy cho đến khi hết ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe công nhân làm vệ sinh phương tiện, thiết bị.

3.1.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Điểm hẹn phải được rửa sạch (không còn chất thải rắn, không có mùi hôi), không có tình trạng tập kết, phân loại phế liệu tại điểm hẹn chậm nhất sau 1 giờ kết thúc hoạt động tại điểm hẹn, không còn nước ú đọng thành vũng.

3.2. Quy trình kỹ thuật vận hành Trạm trung chuyển nhỏ

3.2.1. Quy định thiết bị và dụng cụ lao động, nhân công và bảo hộ lao động

- Thiết bị và dụng cụ lao động: Thiết bị phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi, xẻng, ky, chổi, nĩa, bạt nhựa che phủ chất thải rắn

- Nhân công: công nhân lao động phổ thông.

- Công nhân lao động phổ thông được trang bị bảo hộ lao động gồm có: khẩu trang, găng tay cao su/ vải, áo (có phản quang) và quần bảo hộ lao động; giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

3.2.2. Quy trình tác nghiệp

- Trước khi vào ca làm việc, công nhân vận hành kiểm tra và chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; chế phẩm, hóa chất khử mùi; các nhật ký vận hành; các hệ thống, thiết bị xử lý nước thải, khí thải, mùi hôi, phun rửa, phun xịt chế phẩm/hóa chất khử mùi phương tiện; camera giám sát; xe xúc (nếu có).

- Hướng dẫn các phương tiện thu gom đến đồ chất thải rắn vào vị trí đậu chờ. Kiểm tra phương tiện thu gom có đúng theo danh sách đăng ký đồ tại trạm, thành phần chất thải được phép đồ. Không tiếp nhận phương tiện không nằm trong danh sách đăng ký đồ và có thành phần chất thải không đúng quy định.

- Ghi nhận tối thiểu các thông tin: chủ phương tiện thu gom, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào) trạm trung chuyển, số chuyến/ngày, địa bàn/khu vực thu gom, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện thu gom khi vào/ra trạm, sự tuân thủ các quy định đồ chất thải tại trạm trung chuyển của tổ chức, cá nhân thu gom vào nhật ký công tác.

- Hướng dẫn các phương tiện thu gom đến vị trí đồ, đồ chất thải rắn xuống sàn. Kiểm tra thành phần chất thải rắn được phép đồ và tém gọn vun thành đống. Phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi suốt quá trình đồ và tém gọn vun thành đống.

- Hướng dẫn phương tiện thu gom đến vị trí phun rửa, phun xịt chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi phương tiện trước khi rời khỏi trạm.

- Phủ bạt nhựa che phủ một phần hoặc toàn bộ đống rác: một phần đống rác sinh hoạt đã đạt độ cao cần thiết (không thể vun đống lên cao được nữa), trong thời gian không có tiếp nhận rác sinh hoạt hoặc đã tiếp nhận hết rác sinh hoạt hoặc đã hết thời gian tiếp nhận rác sinh hoạt chờ được vận chuyển đi.

- Công nhân vận hành Trạm trung chuyển nhỏ lặp lại quy trình trên cho đến khi hết thời gian làm việc của Trạm trung chuyển nhỏ.

Công tác vệ sinh Trạm trung chuyển quy mô nhỏ

- Trong ca làm việc của Trạm trung chuyển nhỏ: phải luôn quét dọn chất thải rắn rơi vãi và phun xịt nước giảm bụi phát tán xung quanh (không phun xịt nước vào trong chất thải rắn), khơi mương thoát nước, kiểm tra và vận chuyển lượng nước rác chứa đầy trong hầm.

- Vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải, khí thải, phun xịt khử mùi. Ghi nhật ký vận hành, nhật ký thu gom, vận chuyển nước rỉ rác.

- Vận hành liên tục hệ thống camera giám sát. Ghi nhật ký vận hành.

- Cuối ca làm việc: rửa sạch các thiết bị, phun xịt nước rửa sạch sàn công tác và phun xịt chế phẩm khử mùi sau cùng; nạo vét các rãnh thoát nước.

Thu gom nước rác (nếu Trạm trung chuyển nhỏ không có hệ thống xử lý)

- Qui định tại mục 3.4 của Qui trình kỹ thuật này.

3.2.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Chất thải rắn không được đổ tràn ra ngoài khu vực tiếp nhận và lưu chứa.

- Trên mặt sàn công tác (khu vực không lưu chứa chất thải rắn) không có chất thải rắn rơi vãi, nước đọng thành vũng.

- Không để ứ đọng, tồn đọng chất thải rắn sang ngày hôm sau.

- Đảm bảo chất lượng nước thải, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Đối với trạm không có hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lưu giữ nước rác phải kín, đảm bảo lưu chứa được toàn bộ khối lượng nước rỉ trong thời gian lưu cần thiết (trước khi định kỳ chuyển giao thu gom để vận chuyển đến các trạm trung chuyển có hệ thống xử lý nước thải và Khu xử lý nước rỉ rác tập trung) và không rò rỉ gây ô nhiễm môi trường.

- Không gây cản trở giao thông khu vực xung quanh trạm; các xe ra vào phải được sắp xếp hướng dẫn để không gây ứ tắc.

- Ghi Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải tiếp nhận tại trạm bao gồm tối thiểu các thông tin sau: chủ phương tiện thu gom, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào) trạm trung chuyển, số chuyến/ngày, địa bàn/khu vực thu gom, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện thu gom khi vào/ra trạm, sự tuân thủ các quy định về chất thải tại trạm trung chuyển của tổ chức, cá nhân thu gom.

- Ghi Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải vận chuyển tại trạm bao gồm tối thiểu các thông tin sau: chủ vận chuyển, biển kiểm soát, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào), số chuyến/ngày, địa điểm nhà máy xử lý theo lộ trình đã xác định, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện vận chuyển khi vào/ra trạm, tuân thủ các quy định tại trạm trung chuyển.

- Vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải, khí thải, phun xịt khử mùi. Ghi nhật ký vận hành; nhật ký thu gom, vận chuyển nước rỉ rác.

- Vận hành liên tục hệ thống camera giám sát.

- Không phân loại, lưu giữ phế liệu xung quanh khu vực trạm trung chuyển.

3.3. Quy trình kỹ thuật vận hành Trạm ép rác kín

3.3.1. Quy định phương tiện, thiết bị và dụng cụ lao động , nhân công và bảo hộ lao động

- Phương tiện: Thiết bị ép chất thải rắn dạng rời vận hành bằng điện (để ép chất thải rắn vào container), xe xúc (có hoặc không, phụ thuộc vào công nghệ ép chất thải rắn).

- Thiết bị và dụng cụ lao động: Thiết bị phun xịt chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi; thiết bị phun xịt nước rửa sàn công tác; thiết bị rửa xe; xêng, chổi, ky hốt.

- Công nhân vận hành trong một ca làm việc gồm có: bảo vệ, công nhân vận hành trạm cân (nếu có), công nhân vận hành thiết bị ép, công nhân vệ sinh trạm, công nhân quản lý chung.

- Công nhân vệ sinh, vận hành trực tiếp thiết bị ép chất thải rắn được trang bị bảo hộ lao động như sau: khẩu trang, găng tay cao su/vải, áo (có phản quang) và quần bảo hộ lao động; giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

3.3.2. Quy trình tác nghiệp

- Trước khi vào ca làm việc, công nhân vận hành trạm kiểm tra và chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; chế phẩm, hóa chất khử mùi; các nhật ký vận hành; các hệ thống, thiết bị xử lý nước thải, khí thải, mùi hôi, phun rửa, phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi phương tiện; camera giám sát; cân (đối với trạm có cân); xe xúc (nếu có).

Quy trình tiếp nhận xe ra vào Trạm trung chuyển để đổ chất thải rắn

- Hướng dẫn các phương tiện thu gom đến đổ chất thải rắn vào vị trí đậu chờ. Kiểm tra phương tiện thu gom có đúng theo danh sách đăng ký đổ tại trạm, thành phần chất thải được phép đổ. Không tiếp nhận phương tiện không nằm trong danh sách đăng ký đổ và có thành phần chất thải không đúng quy định.

- Công nhân vận hành Trạm trung chuyển hướng dẫn xe qua trạm cân (xác định tổng khối lượng xe và khối lượng chất thải rắn).

- Hướng dẫn xe đến vị trí đổ, đổ chất thải rắn và kiểm tra thành phần chất thải rắn. Sau khi đổ, xe chạy qua trạm cân (xác định khối lượng xe không tải) và qua hệ thống phun rửa, phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi phương tiện, đậy kín thùng chứa, miệng tiếp nhận chất thải rắn trước khi rời khỏi trạm.

- Ghi nhận tối thiểu các thông tin: về chủ phương tiện thu gom, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào) trạm trung chuyển, số chuyến/ngày, địa bàn/khu vực thu gom, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện thu gom khi vào/ra trạm, sự tuân thủ các quy định đổ chất thải tại trạm trung chuyển của tổ chức, cá nhân thu gom vào nhật ký công tác.

Quy trình ép chất thải rắn sử dụng thiết bị ép rời

a. Quy trình ép chất thải rắn sử dụng thiết bị ép rời

- Chất thải rắn từ các phương tiện thu gom được đổ vào máng tiếp nhận, sử dụng hệ thống thủy lực đặt tại trạm trung chuyển, nâng máng hứng chất thải rắn đổ

vào miệng tiếp nhận và ép vào thùng xe. Ép chất thải rắn cho đến khi khối lượng hàng chuyên chở cho phép.

- Quy trình cứ tiếp tục lặp lại như trên đối với thùng xe khác cho đến khi kết thúc ca làm việc.

b. Quy trình ép chất thải rắn sử dụng thiết bị ép đi kèm theo thùng ép kín

- Chất thải rắn từ các phương tiện thu gom được đổ vào máng tiếp nhận, sử dụng hệ thống thủy lực đi kèm theo xe, nâng máng hứng chất thải rắn đổ vào miệng tiếp nhận và ép vào thùng ép kín. Ép chất thải rắn cho đến khi khối lượng hàng chuyên chở cho phép.

- Quy trình cứ tiếp tục lặp lại như trên đối với thùng ép kín khác cho đến khi kết thúc ca làm việc.

c. Quy trình xúc chất thải rắn sinh hoạt bằng cơ giới

- Công nhân di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc chất thải rắn;

- Lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng chất thải rắn vào điểm tập trung;

- Xúc chất thải rắn lên các phương tiện vận chuyển cho đến khi khối lượng hàng chuyên chở cho phép;

- Điều khiển gầu xúc vun gọn chất thải rắn trên phương tiện vận chuyển;

- Tiếp tục xúc chất thải rắn cho các phương tiện tiếp theo cho đến hết ca làm việc.

- Hết ca làm việc, vệ sinh phương tiện, tập trung xe xúc về nơi qui định, giao ca.

Quy trình vệ sinh trạm ép rác kín

- Trong ca làm việc: Phải luôn quét dọn chất thải rắn rơi vãi và phun xịt nước giảm bụi phát tán xung quanh (không phun xịt nước vào trong chất thải rắn), khơi mương thoát nước, kiểm tra và vận chuyển lượng nước rỉ rác chứa đầy trong hầm.

- Vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải, khí thải, phun xịt khử mùi. Ghi nhật ký vận hành; nhật ký thu gom, vận chuyển nước rỉ rác.

- Vận hành liên tục hệ thống camera giám sát. Ghi nhật ký vận hành.

- Cuối ca làm việc: rửa sạch các thiết bị, phun xịt nước rửa sạch sàn công tác và phun xịt chế phẩm khử mùi sau cùng; nạo vét các rãnh thoát nước.

Thu gom nước rác (nếu trạm ép không có hệ thống xử lý tập trung)

- Quy định tại mục 3.4 của qui trình kỹ thuật này.

3.3.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Chất thải rắn không được đổ tràn ra ngoài khu vực tiếp nhận và lưu chứa.

- Trên mặt sàn công tác (khu vực không lưu chứa chất thải rắn) không có chất thải rắn rơi vãi, nước đọng thành vũng.

- Không để ứ út, tồn đọng chất thải rắn sang ngày hôm sau.

- Đảm bảo chất lượng nước thải, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Đối với trạm không có hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lưu giữ nước rác phải kín, đảm bảo lưu chứa được toàn bộ khối lượng nước rỉ trong thời gian lưu cần thiết (trước khi định kỳ chuyển giao thu gom để vận chuyển đến đến

các trạm trung chuyển có hệ thống xử lý nước thải và Khu xử lý nước rỉ rác tập trung) và không rò rỉ gây ô nhiễm môi trường.

- Không gây cản trở giao thông khu vực xung quanh trạm; các xe ra vào phải được sắp xếp hướng dẫn để không gây ùn tắc.

- Ghi Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải tiếp nhận tại trạm bao gồm tối thiểu các thông tin sau: chủ phương tiện thu gom, biển kiểm soát hoặc mã số phương tiện, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào) trạm trung chuyển, số chuyến/ngày, địa bàn/khu vực thu gom, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện thu gom khi vào/ra trạm, sự tuân thủ các quy định đồ chất thải tại trạm trung chuyển của tổ chức, cá nhân thu gom.

- Ghi Nhật ký theo dõi phương tiện, khối lượng chất thải, thành phần chất thải vận chuyển tại trạm bao gồm tối thiểu các thông tin sau: chủ vận chuyển, biển kiểm soát, loại phương tiện, khối lượng chất thải, thời gian (ra/vào), số chuyến/ngày, địa điểm nhà máy xử lý theo lộ trình đã xác định, đánh giá chất lượng vệ sinh của phương tiện vận chuyển khi vào/ra trạm, tuân thủ các quy định tại trạm trung chuyển.

- Vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải, khí thải, phun xịt khử mùi. Ghi nhật ký vận hành; nhật ký thu gom, vận chuyển nước rỉ rác.

- Vận hành liên tục hệ thống camera giám sát. Ghi nhật ký vận hành.

- Không phân loại, lưu giữ phé liệu xung quanh khu vực trạm trung chuyển.

3.4. Quy trình kỹ thuật thu gom vận chuyển nước rỉ rác từ các Trạm trung chuyển không có hệ thống xử lý nước rỉ rác đến các trạm trung chuyển có hệ thống xử lý nước thải và Khu xử lý nước rỉ rác tập trung

3.4.1. Quy định phương tiện, nhân công và bảo hộ lao động

- Phương tiện: xe bồn chứa nước có gắn hệ thống bơm hút nước và có gắn đồng hồ đo lưu lượng trong quá trình bơm.

- Nhân công: tài xế, công nhân vận hành.

- Lái xe và công nhân vận hành được trang bị bảo hộ lao động gồm có: khẩu trang, găng tay cao su/vải, áo (có phản quang) và quần bảo hộ lao động; giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

3.4.2. Quy trình tác nghiệp

- Trước khi vào giờ công tác, lái xe và công nhân vận hành kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật.

- Lái xe đến vị trí thu gom nước rỉ rác, công nhân vận hành bơm hút cho đến khi hết nước trong hầm chứa hoặc bồn chứa của phương tiện vận chuyển đạt đến khối lượng hàng chuyên chở cho phép. Trong quá trình vận hành, công nhân vận hành dùng cây sào khuấy đều nước và gạt vớt mùn rác cặn trong hầm chứa.

- Lái xe đến trạm trung chuyển trạm trung chuyển có hệ thống xử lý nước thải hoặc Khu xử lý nước rỉ rác tập trung.

- Xác định số lượng, khối lượng nước rỉ rác xả tại hệ thống xử lý nước thải của trạm trung chuyển hoặc hồ chứa của Khu xử lý nước rỉ rác tập trung theo

hướng dẫn của nhân viên vận hành trạm trung chuyển hoặc Khu xử lý nước rỉ rác tập trung.

- Ghi nhật ký thu gom, vận chuyển nước rỉ rác.
- Tiếp tục lặp lại quy trình trên cho đến khi hết ca làm việc.
- Cuối ca làm việc, lái xe và công nhân vận hành thực hiện vệ sinh phương tiện và các thiết bị kỹ thuật theo quy trình kỹ thuật, kết thúc ca làm việc.

3.4.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Không được đổ tràn nước rỉ rác ra ngoài khu vực tiếp nhận rác.
- Trên mặt sàn công tác (khu vực tiếp nhận nước rác) không có nước đọng thành vũng.
- Không được bơm nước vào nước rỉ rác để tăng khối lượng.
- Không gây mùi hôi, tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.
- Không gây cản trở giao thông khu vực xung quanh trạm.
- Phải xác định rõ số lượng, khối lượng nước rác rỉ rác thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở cho công tác nghiệm thu theo quy định.

4. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH KỸ THUẬT

4.1. Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

Đánh giá theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung của quy trình vận hành kỹ thuật.

Phương pháp cho điểm: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|--------------------------|
| - Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : ≥ 9 điểm |
| - Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : Từ 7 điểm đến < 9 điểm |
| - Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : Từ 5 điểm đến < 7 điểm |
| - Loại D – chất lượng vệ sinh kém | : < 5 điểm |

4.2. Nội dung và thang điểm đánh giá

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
I. Quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm hẹn vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc vận chuyển thẳng lên Khu xử lý tập trung			
1	Lái xe và công nhân được trang bị đầy đủ dụng cụ và bảo hộ lao động	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 0,5 Không đầy đủ: 0
2	Đặt biển báo giao thông trong quá trình tác nghiệp	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 0,5 Không: 0
3	Có sổ nhật ký công tác ghi nhận thông tin về tên chủ phương tiện, nguồn gốc chất thải rắn tiếp nhận (chất thải rắn được thu gom từ địa bàn phường/xã, quận - huyện), số lượng, chủng loại phương tiện thu	Kiểm tra hồ sơ	Thực hiện: 01 Thực hiện không đầy đủ: 0

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
	gom chuyển giao chất thải rắn tại điểm hẹn và khối lượng chất thải rắn (thông qua dung tích chứa).		
4	Thời gian xe đến điểm hẹn không trễ quá 15 phút so với giờ quy định	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 01 Không: 0
5	Tiếp nhận hết khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tập kết tại các điểm hẹn trong thời gian quy định	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Không: 0
6	Sau khi kết thúc thu gom, điểm hẹn phải được quét dọn không còn rác rơi vãi	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Còn rác: 0
7	Thực hiện phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi miệng nạp chất thải rắn của xe và vị trí điểm hẹn, đậy kín miệng nắp chất thải rắn và thu dọn biển báo.	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Thực hiện không đầy đủ: 0,5 Không: 0
8	Quá trình vận chuyển không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt và nước rỉ rác, phải che kín miệng nắp rác khi lưu thông.	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 1,5 Thực hiện không đầy đủ: 0,5 Không: 0
9	Xe di chuyển đúng tuyến đường quy định theo lộ trình vận chuyển đã được phê duyệt.	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Không: 0.
10	Không được vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt vượt khối lượng hàng chuyển chở cho phép theo quy định.	Phiếu cân do MBS xác nhận.	Không vượt khối lượng hoặc khối lượng vượt dưới 10%: 1,5. Vượt khối lượng từ 10%: 0.
11	Đổ nước vào chất thải rắn sinh hoạt (để tăng khối lượng vận chuyển).	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-10 nêu trên.
12	Tiếp nhận chất thải nguy hại.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-10 nêu trên.

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
13	Tiếp nhận chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng trộn lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt vượt quá tỷ lệ do cơ quan chức năng quy định.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-10 nêu trên.
14	Tiếp nhận chất thải rắn có nguồn gốc từ tỉnh thành lân cận thành phố Hồ Chí Minh khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan chức năng.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-10 nêu trên.
TỔNG CỘNG (1)			10
II. Quy trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển đến Khu xử lý tập trung			
1	Lái xe và công nhân được trang bị đầy đủ dụng cụ và bảo hộ lao động	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 0,5 Không đầy đủ: 0
2	Phương tiện vận chuyển được phun rửa, phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi trước khi ra khỏi khu vực trạm trung chuyển, Khu xử lý chất thải rắn tập trung	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Thực hiện không đầy đủ: 01 Không: 0
3	Không có chất thải rắn dính trên bánh xe trong quá trình vận chuyển	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 0,5 Không: 0
4	Che kín miệng nắp rác khi lưu thông.	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Không: 0
5	Quá trình vận chuyển không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt và nước rỉ rác.	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 02 Không: 0
6	Quá trình vận chuyển rác sinh hoạt không gây ô nhiễm mùi	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Không: 01 Có: 0
7	Xe di chuyển đúng tuyến đường quy định theo lộ trình vận chuyển đã được phê duyệt.	Kiểm tra thực tế, đánh giá bằng cảm quan	Thực hiện: 01 Không: 0.
8	Không được vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt vượt khối lượng hàng chuyển chở cho phép theo quy định	Phiếu cân do MBS xác nhận, Phiếu cân từ trạm trung chuyển.	Không vượt khối lượng hoặc khối lượng vượt dưới 10%: 03. Vượt khối lượng từ

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
			10%: 0.
9	Đổ nước vào chất thải rắn sinh hoạt (để tăng khối lượng vận chuyển).	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-8 nêu trên.
10	Vận chuyển chất thải nguy hại.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-8 nêu trên.
11	Vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng trộn lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt vượt quá tỷ lệ do cơ quan chức năng quy định.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-8 nêu trên.
12	Vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc từ tỉnh thành lân cận thành phố Hồ Chí Minh khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan chức năng.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-8 nêu trên.
TỔNG CỘNG (II)			10
III. Quy trình vệ sinh điểm hẹn			
1	Lái xe và công nhân được trang bị đầy đủ dụng cụ và bảo hộ lao động	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 0,5 Không đầy đủ: 0
2	Điểm hẹn phải được vệ sinh trong vòng 1 giờ sau khi kết thúc hoạt động	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Thực hiện: 02 Không: 0
3	Điểm hẹn được phun xịt chế phẩm sinh học/hóa chất khử mùi và không mùi hôi	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Thực hiện: 02 Thực hiện, mùi hôi: 01. Không, mùi hôi: 0
4	Điểm hẹn không còn rác tồn đọng	Kiểm tra thực tế	Không còn rác: 03 Có rác tồn đọng: 0
5	Điểm hẹn không có nước ú đọng thành vũng.	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Không: 1,5 Có: 0
6	Điểm hẹn không có tình trạng tập kết, phân loại phế liệu tại điểm hẹn	Kiểm tra thực tế	Không: 01 Có: 0
TỔNG CỘNG (III)			10

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
IV. Quy trình kỹ thuật vận hành Trạm trung chuyển			
1	Công nhân được trang bị đầy đủ dụng cụ và bảo hộ lao động	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 0,5 Không đầy đủ: 0
2	Chất thải rắn không đổ tràn ra ngoài khu vực tiếp nhận và lưu chứa.	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Không: 01 Có : 0
3	Trên mặt sàn công tác (khu vực không lưu chứa chất thải rắn) không có chất thải rắn rơi vãi, nước đọng thành vũng.	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Không: 01 Có : 0
4	Không để ứn ú, tồn đọng chất thải rắn sang ngày hôm sau	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Không: 01 Có : 0
5	Không gây cản trở giao thông khu vực xung quanh	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Không: 0,5 Có: 0
6	Thu gom riêng nước mưa và nước thải thải.	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan	Thực hiện: 0,5 Không thực hiện: 0
7	Hệ thống lưu giữ nước rỉ rác phải kín, đảm bảo lưu chứa được toàn bộ khối lượng nước rỉ rác trong thời gian lưu cần thiết (trước khi định kỳ chuyển giao thu gom để vận chuyển đến các Khu xử lý tập trung) và không rò rỉ gây ô nhiễm môi trường.	Kiểm tra thực tế	Đảm bảo: 0,5 Không đảm bảo: 0
8	Chất lượng nước thải, khí thải, tiếng ồn, mùi hôi đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	Kiểm tra thực tế, kết quả quan trắc môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá cảm quan.	Đạt: 01 Một trong các chỉ tiêu không đạt: 0
9	Phun rửa, phun xịt chế phẩm sinh học/ hóa chất khử mùi phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi khu vực trạm trung chuyển.	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 01 Không đầy đủ: 0,5 Không thực hiện: 0
10	Nhật ký vận hành trạm trung	Kiểm tra thực tế	Có: 01

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
	chuyển		Không đầy đủ: 0,5 Không: 0
11	Vận hành hệ thống camera giám sát	Kiểm tra thực tế	Có: 01 Không liên tục: 0,5 Không: 0
12	Xuất phiếu cân	Kiểm tra thực tế	Có: 0,5 Không đầy đủ: 0
13	Không phân loại, lưu giữ phế liệu xung quanh khu vực trạm trung chuyển	Kiểm tra thực tế	Không: 0,5 Có: 0
14	Đổ nước vào chất thải rắn sinh hoạt (để tăng khối lượng vận chuyển).	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-13 nêu trên.
15	Tiếp nhận chất thải nguy hại	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-13 nêu trên.
16	Tiếp nhận chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng trộn lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt vượt quá tỷ lệ do cơ quan chức năng quy định.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-13 nêu trên.
17	Tiếp nhận chất thải rắn có nguồn gốc từ tỉnh thành lân cận thành phố Hồ Chí Minh khi chưa có sự chấp thuận của cơ quan chức năng.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-13 nêu trên.
TỔNG CỘNG (IV)			10

V. Quy trình kỹ thuật thu gom vận chuyển nước rỉ rác

1	Lái xe và nhân công trang bị đầy đủ dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.	Kiểm tra thực tế	Thực hiện: 0,5 Không đầy đủ: 0.
2	Nước rác không được đổ tràn ra ngoài khu vực tiếp nhận chất thải	Kiểm tra thực tế	Không: 02 Có: 0.
3	Trên mặt sàn công tác sau khi tiếp nhận nước rác không có nước đọng thành vũng.	Kiểm tra thực tế	Không: 1,5 Có: 0.
4	Không gây mùi hôi, tiếng ồn vượt quá quy chuẩn kỹ thuật.	Kiểm tra thực tế	Không: 02 Có: 0.
5	Không gây cản trở giao thông khu	Kiểm tra thực tế	Không: 01

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
	vực xung quanh trạm.		Có: 0
6	Phải xác định rõ số lượng, khối lượng nước rác rỉ rác thu gom, vận chuyển để làm cơ sở cho công tác nghiệm thu theo quy định	Kiểm tra hồ sơ nhật ký công việc	Có xác định: 01 Không: 0
7	Quá trình vận chuyển không rò rỉ và rơi vãi nước rác.	Kiểm tra thực tế	Không: 02 Có
8	Đỗ nước vào nước rỉ rác (để tăng khối lượng vận chuyển).	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-8 nêu trên.
9	Vận chuyển chất thải nguy hại, nước thải công nghiệp.	Kiểm tra thực tế	Có: trừ 03 điểm trên tổng số điểm đạt được từ mục 1-8 nêu trên.
TỔNG CỘNG (V)			10

QTKT.04/STNMT-CTR
**QUY TRÌNH KỸ THUẬT VÓT CHẤT THẢI RẮN, RONG CỎ, LỤC BÌNH
TRÔI NỐI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG THỦ CÔNG KẾT
HỢP CƠ GIỚI**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Điều kiện hoạt động

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có kế hoạch cụ thể trong việc giám sát và thực hiện công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên sông, kênh, rạch; sổ nhật ký công trường để ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện để có cơ sở cho việc nghiệm thu khối lượng công việc sau khi hoàn thành công tác vớt.

- Các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác vớt phải đáp ứng các quy định hiện hành.

- Bố trí địa điểm phù hợp để tập kết các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vớt và trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển để đưa đi xử lý.

1.2. Quy định về phương tiện, điểm hẹn

a) Phương tiện thực hiện

- Phương tiện thực hiện là ghe (xuồng) có gắn động cơ kết hợp với các phương tiện cơ giới như máy xúc dạng gầu nghịch, xe cẩu, xe ép.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về giao thông theo quy định hiện hành.

- Không được cơi nới, không treo các túi bịch xung quanh phương tiện nhằm lưu chứa các phế liệu trong quá trình vớt.

b) Điểm hẹn

- Được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động theo các quy định hiện hành.

- Đảm bảo điều kiện cho các loại phương tiện tác nghiệp ra vào thuận tiện. Đảm bảo công tác thu gom tập kết phải gọn gàng không để mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

1.3. Quy định về trang bị bảo hộ lao động

- Quần áo bảo hộ lao động, giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang, áo phao và các trang bị khác theo quy định.

1.4. Quy định về công cụ lao động

- Vớt vớt, lưới, dây tơ, xéng, rựa, thùng chứa rác 240 lít, sào tầm vông, tay chèo, cưa máy và các loại công cụ phù hợp khác.

1.5. Quy định về thời gian thực hiện

- Thời gian triển khai thực hiện vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tùy thuộc vào thủy triều của tuyến sông, kênh, rạch hoặc theo kế hoạch triển khai do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.6. Quy định khác

- Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tác nghiệp.
- Có biển báo hiệu phân luồng giao thông đường thủy theo quy định hiện hành.
- Trong và sau khi kết thúc quá trình tác nghiệp, công nhân sử dụng chế phẩm khử mùi và hóa chất diệt côn trùng (nếu có) để giảm thiểu mùi hôi phán tán và phòng chống côn trùng (nếu có).
- Việc vận chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt phải tuân thủ quy định tại Mục 2.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.
- Việc vệ sinh điểm hẹn chất thải rắn, rong cỏ, lục bình phải tuân thủ quy định tại Mục 3.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Quy trình tác nghiệp

a) Công tác chuẩn bị

- Hàng ngày trước giờ công tác theo kế hoạch triển khai, nhân công phải kiểm tra kỹ thuật phương tiện, máy móc, nhiên liệu, chế phẩm khử mùi, hóa chất diệt côn trùng (nếu có) và trang thiết bị lao động, trang phục bảo hộ lao động.

- Trường hợp chất thải rắn, rong cỏ, lục bình kết dính tồn đọng trong thời gian dài tạo thành khối, mảng dày đặc: sử dụng máy xúc dạng gầu nghịch để xúc chất thải rắn, rong cỏ, lục bình đã kết dính bỏ vào thùng chứa 240 lít với mục đích tạo khoảng trống đưa ghe (xuồng) vào tác nghiệp. Khi đó thì công tác vớt (xuồng) bằng ghe bắt đầu tiến hành.

- Trường hợp chất thải rắn, rong cỏ, lục bình không kết dính tồn đọng trong thời gian dài: công tác vớt bằng ghe (xuồng) bắt đầu tiến hành.

b) Quy trình kỹ thuật

- Nhân công chuẩn bị ghe và các trang thiết bị lao động vào vị trí sẵn sàng tác nghiệp. Nhân công dùng vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình bỏ vào thùng chứa rác 240 lít đã được bố trí trên ghe (xuồng) và thu gom chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tồn đọng hai bên bờ sông, kênh, rạch.

- Trường hợp gặp các chướng ngại vật (như các loại cây: dừa, chuối, si,...) gây trở ngại trong quá trình tác nghiệp, công tác vớt bằng ghe (xuồng) được tạm ngưng để tập trung nhân công, ghe (xuồng), cưa máy, dây thừng để chặt, tia, đốn các chướng ngại vật thành nhiều phần hoặc khúc nhỏ để đưa đến điểm hẹn hoặc dùng xe cẩu đưa chướng ngại vật này trực tiếp vào xe ép (hoặc vào các thùng chứa 240

lít để đưa vào xe ép), thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục cho đến khi chướng ngại vật được tháo dỡ hoàn toàn nhằm đảm bảo cho quy trình vớt được tiếp tục thực hiện. Sau đó, công tác vớt được tiếp tục.

- Khi thùng chứa 240 lít đầy, ghe (xuồng) di chuyển về điểm hẹn (trường hợp ghe không thể di chuyển bằng động cơ thì dùng tầm vông (sào) hoặc tay chèo được trang bị kèm theo ghe để di chuyển). Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Dùng xe cẩu đưa các thùng 240 lít chứa đầy chất thải rắn, rong cỏ, lục bình (hoặc chướng ngại vật) lên điểm hẹn trên bờ, các nhân công sẽ đưa các thùng chứa này đổ vào xe ép cho đến khi đầy xe, sau đó xe ép di chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Kết thúc ca làm việc, công nhân tiến hành đưa các phương tiện, trang thiết bị, công cụ lao động về bến thủy nội địa. Công nhân thực hiện vệ sinh và cất giữ phương tiện, trang thiết bị, công cụ lao động, duy tu bảo dưỡng máy móc để chuẩn bị cho ca làm việc tiếp theo.

2.2. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản các dụng cụ và trang thiết bị.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động. Đảm bảo an toàn lao động cho nhân công trong quá trình tác nghiệp.
- Tác nghiệp theo đúng quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt và thực hiện đúng diện tích công tác như kế hoạch hoặc hợp đồng đã quy định.
- Vớt sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình đảm bảo khơi thông dòng chảy và chất lượng vệ sinh môi trường trên sông, kênh, rạch.
- Không được cơi nới, không treo các túi nilon xung quanh phương tiện nhằm lưu chứa các phế liệu trong quá trình vớt.
- Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc.

3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH KỸ THUẬT

Cơ quan quản lý đơn vị tổ chức thực hiện (tùy theo sự phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố) tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng vệ sinh, quy trình kỹ thuật đối với đơn vị thực hiện công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tại các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. Quy trình về đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.
 - Phương pháp đánh giá: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- + Loại A – chất lượng vệ sinh tốt : 10 điểm
- + Loại B – chất lượng vệ sinh khá : 8 – 9 điểm
- + Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình : 6 – 7 điểm
- + Loại D – chất lượng vệ sinh kém : ≤ 5 điểm

Ghi chú: Việc đánh giá được thực hiện bằng việc giám sát hiện trường và kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như máy chụp hình, máy quay phim để có tư liệu làm bằng chứng, ghi nhận nhật ký công trường.

3.2. Phương pháp và tần suất giám sát

- Phương pháp giám sát: kiểm tra thực tế.
- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên toàn ca làm việc của đơn vị thực hiện.

3.3. Nội dung và thang điểm đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm
1	Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng các dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị	01
2	Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động	01
3	Tác nghiệp đúng quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt	02
4	Vớt sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình ở giữa và hai bên bờ sông, kênh, rạch	05
5	Vệ sinh, bảo quản phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc	01
TỔNG CỘNG		10

QTKT.05/STNMT-CTR
QUY TRÌNH KỸ THUẬT VÓT LỤC BÌNH TRÊN VÀ VEN
SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG MÁY CẮT VÓT

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Điều kiện hoạt động

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có kế hoạch cụ thể trong việc giám sát và thực hiện công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên sông, kênh, rạch; số nhật ký công trường để ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện để có cơ sở cho việc nghiệm thu khối lượng công việc sau khi hoàn thành công tác vớt.

- Các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác vớt phải đáp ứng các quy định hiện hành.

- Bố trí địa điểm phù hợp để tập kết các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vớt và trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển để đưa đi xử lý.

1.2. Quy định về phương tiện, điểm hẹn

a) Phương tiện thực hiện

- Phương tiện thực hiện là máy cắt vớt có hệ thống dao cắt được Sở Khoa học và Công nghệ nghiệm thu.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về giao thông theo quy định hiện hành.

- Không được cơi nới, không treo các túi bịch xung quanh phương tiện nhằm lưu chứa các phế liệu trong quá trình vớt.

b) Điểm hẹn

- Được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động theo các quy định hiện hành.

- Đảm bảo điều kiện cho các loại phương tiện tác nghiệp ra vào thuận tiện. Đảm bảo công tác thu gom tập kết phải gọn gàng không để mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

1.3. Quy định về trang bị bảo hộ lao động

- Quần áo bảo hộ lao động, bao tay, giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, khẩu trang, áo phao, còi báo hiệu và các trang bị khác theo quy định.

1.4. Quy định về thời gian thực hiện

- Thời gian triển khai thực hiện vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tùy thuộc vào thủy triều của tuyến sông, kênh, rạch hoặc theo kế hoạch triển khai do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.5. Quy định khác

- Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tác nghiệp.

- Có biển báo hiệu phân luồng giao thông đường thủy theo quy định hiện hành.

- Trong và sau khi kết thúc quá trình tác nghiệp, công nhân sử dụng chế phẩm khử mùi và hóa chất diệt côn trùng (nếu có) để giảm thiểu mùi hôi phán tán và phòng chống côn trùng (nếu có).

- Việc vận chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt phải tuân thủ quy định tại Mục 2.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

- Việc vệ sinh điểm hẹn chất thải rắn, rong cỏ, lục bình phải tuân thủ quy định tại Mục 3.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Quy trình tác nghiệp

a) Công tác chuẩn bị

- Hàng ngày trước giờ công tác, nhân công phải kiểm tra kỹ thuật phương tiện, máy móc, nhiên liệu, chế phẩm khử mùi (nếu có) và trang thiết bị lao động, trang phục bảo hộ lao động; kiểm tra mực nước trên đoạn sông, kênh, rạch nhằm đảm bảo cho hoạt động của các phương tiện vớt.

b) Quy trình kỹ thuật

- Sau khi vận hành máy, nhân công điều khiển máy đến vị trí tác nghiệp. Trong quá trình di chuyển, nhân công điều khiển hệ thống dao cắt được nâng lên vị trí cao nhất để giảm sức cản của dòng chảy và điều khiển tốc độ quay, hướng quay của hai 2 bánh xe nước để tránh các chướng ngại vật (nếu có).

- Đến vị trí tác nghiệp, nhân công điều khiển hệ thống dao cắt xuống mặt nước để bắt đầu quá trình tác nghiệp. Trong quá trình tác nghiệp, nhân công điều khiển máy đến vị trí cắt thuận lợi, phù hợp để nâng cao hiệu quả quá trình cắt vớt lục bình trên sông, kênh, rạch.

- Lục bình sau khi cắt sẽ được băng tải số 1 vận chuyển vào băng tải số 2 và từ băng tải số 2 chuyển vào băng tải số 3 để lưu chừa. Băng tải số 2 và 3 có chế độ làm việc gián đoạn, quay được hai chiều. Nhân công điều khiển phối hợp giữa băng tải số 1, 2 và 3 để không có các khoảng trống lớn ở mặt sàng chừa lục bình nhằm nâng cao năng suất máy. Sau khi các băng tải số 1, 2 và 3 đầy, nhân công điều khiển máy di chuyển vào bờ. Nhân công điều khiển phối hợp giữa băng tải số 1, 2 và 3 để trung chuyển lục bình sau khi cắt vớt lên điểm hẹn hoặc phương tiện tiếp nhận (như: xà lan, xe ép, ...) để vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Trong trường hợp gặp các chướng ngại vật (như các loại cây: dừa, chuối, si,...) gây trở ngại cho quá trình tác nghiệp thì nhân công tiến hành tháo dỡ, sau đó tiếp tục công tác cắt, vớt. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Kết thúc ca làm việc, công nhân tiến hành dưa máy cắt về bến thủy nội địa. Công nhân vệ sinh và cắt giữ phương tiện và duy tu bảo dưỡng máy móc để chuẩn bị cho ca làm việc tiếp theo.

2.2. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản các phương tiện, trang thiết bị.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động. Đảm bảo an toàn lao động cho nhân công trong quá trình tác nghiệp.

- Tác nghiệp theo đúng quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt.

- Cắt vớt sạch lục bình trôi nổi đảm bảo trên khơi thông dòng chảy và chất lượng vệ sinh môi trường trên sông, kênh, rạch.

- Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc.

3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH KỸ THUẬT

Cơ quan quản lý đơn vị tổ chức thực hiện (tùy theo sự phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố) tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng vệ sinh, quy trình kỹ thuật đối với đơn vị thực hiện công tác vớt lục bình tại các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1. Quy trình về đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

- Phương pháp đánh giá: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

+ Loại A – chất lượng vệ sinh tốt	: 10 điểm
+ Loại B – chất lượng vệ sinh khá	: 8 – 9 điểm
+ Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình	: 6 – 7 điểm
+ Loại D – chất lượng vệ sinh kém	: ≤ 5 điểm

Ghi chú: Việc đánh giá được thực hiện bằng việc giám sát hiện trường và kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như máy chụp hình, máy quay phim để có tư liệu làm bằng chứng, ghi nhận nhật ký công trường.

3.2. Phương pháp và tần suất giám sát

- Phương pháp giám sát: kiểm tra thực tế, ghi nhận hình ảnh trước và sau khi thực hiện.

- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên toàn ca làm việc của đơn vị thực hiện.

3.3. Nội dung và thang điểm đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm
1	Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng các dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị	01
2	Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động	01
3	Tác nghiệp đúng quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt	02
4	Vớt sạch rong cỏ, lục bình trên các tuyến sông, kênh, rạch theo diện tích đã quy định	05
5	Vệ sinh, bảo quản phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc	01
	TỔNG CỘNG	10

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT VÓT CHẤT THẢI RĂN, RONG CỎ, LỤC BÌNH
TRÔI NỘI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG XÀ LAN**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Điều kiện hoạt động

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có kế hoạch cụ thể trong việc giám sát và thực hiện công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên sông, kênh, rạch; sổ nhật ký công trường để ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện để có cơ sở cho việc nghiệm thu khối lượng công việc sau khi hoàn thành công tác vớt.

- Các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thu gom phải đáp ứng các quy định hiện hành.

- Bố trí địa điểm phù hợp để tập kết các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vớt và trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển để đưa đi xử lý.

1.2. Quy định chung về phương tiện, điểm hẹn

a) Phương tiện thực hiện

- Phương tiện thực hiện là xà lan có động cơ và được lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho công tác vớt.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về lưu thông thủy theo quy định hiện hành.

- Không được cơi nới, không treo các túi bịch xung quanh phương tiện nhằm lưu chứa các phế liệu trong quá trình vớt.

b) Điểm hẹn

- Được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động theo các quy định hiện hành.

- Đảm bảo điều kiện cho các loại phương tiện tác nghiệp ra vào thuận tiện. Đảm bảo công tác thu gom tập kết phải gọn gàng không để mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

1.3. Trang bị bảo hộ lao động

- Quần áo bảo hộ lao động, giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang, áo phao và các trang bị khác theo quy định.

1.4. Công cụ lao động

- Vợt vớt, cào, dao, liềm và túi chứa bùn lười (gọi tắt là túi lười).

1.5. Thời gian thực hiện

- Thời gian triển khai thực hiện vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tùy thuộc vào thủy triều của tuyến sông, kênh, rạch hoặc theo kế hoạch triển khai do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.6. Quy định khác

- Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tác nghiệp.

- Có biển báo hiệu phân luồng giao thông đường thủy theo quy định hiện hành.

- Trong và sau khi kết thúc quá trình tác nghiệp, công nhân sử dụng chế phẩm khử mùi và hóa chất diệt côn trùng (nếu có) để giảm thiểu mùi hôi phán tán và phòng chống côn trùng (nếu có).

- Việc vận chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt phải tuân thủ quy định tại Mục 2.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

- Việc vệ sinh điểm hẹn chất thải rắn, rong cỏ, lục bình phải tuân thủ quy định tại Mục 3.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định về phương tiện và nhân công

a) Công tác chuẩn bị

- Hàng ngày trước giờ công tác, thuyền trưởng và công nhân phải kiểm tra kỹ thuật phương tiện, máy móc, nhiên liệu và trang thiết bị lao động, trang phục bảo hộ lao động.

2.2. Quy trình tác nghiệp

- Sau khi vận hành máy, tất cả nhân sự vào vị trí, xà lan kéo neo và rời bến đến vị trí tác nghiệp.

- Tại vị trí tác nghiệp, xà lan mở thiết bị thu ở hai bên mạn xà lan, thuyền trưởng định hướng và di chuyển xà lan trong phạm vi nhất định để đón chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trôi nổi trên bề mặt sông, kênh, rạch (lợi dụng lực đẩy của dòng nước để đưa chất thải rắn, rong cỏ, lục bình vào túi lưới).

- Công nhân có trách nhiệm đứng trên lan can xà lan và sử dụng vớt lưới để lùa các loại chất thải rắn, rong cỏ, lục bình từ hai cánh vào túi lưới ở mạn xà lan; thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Khi túi lưới đã chứa đầy, công nhân điều khiển cầu trục trên xà lan để di chuyển túi lưới vào boong xà lan. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Trong quá trình đón và vớt, xà lan có thể tiếp nhận thêm chất thải rắn, rong cỏ, lục bình từ các tàu, ghe (xuồng) đang thực hiện công tác vớt (nếu có).

- Khi xà lan đã chứa đầy, thuyền trưởng thu thiết bị thu và đưa xà lan quay về điểm hẹn để trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình chứa trong túi lưới từ boong xà lan vào xe ép bằng cầu trục (được bố trí trên điểm hẹn) để vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn. Sau khi quá trình trung chuyển kết thúc, công nhân nhận túi lưới mới và xà lan di chuyển tiếp tục trở lại vị trí tác nghiệp. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Kết thúc ca làm việc, thuyền trưởng thu thiết bị thu và đưa xà lan về bến thủy nội địa. Công nhân vệ sinh và cất giữ phương tiện, trang thiết bị và công cụ lao động, duy tu bảo dưỡng máy móc để chuẩn bị cho ca làm việc tiếp theo.

2.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản xà lan và các trang thiết bị.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động.

- Tác nghiệp theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

- Vớt sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trôi nổi.

- Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc.

3. PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH

3.1. Quy trình về đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

- Phương pháp đánh giá: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|--------------|
| + Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : 10 điểm |
| + Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : 8 – 9 điểm |
| + Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : 6 – 7 điểm |
| + Loại D – chất lượng vệ sinh kém | : ≤ 5 điểm |

Ghi chú: Việc đánh giá được thực hiện bằng việc giám sát hiện trường và kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như máy chụp hình, máy quay phim để có tư liệu làm bằng chứng, ghi nhận nhật ký công trường.

3.2. Phương pháp và tần suất giám sát

- Phương pháp giám sát: Giám sát quy trình kỹ thuật, chất lượng vệ sinh và toàn bộ quá trình vận hành của xà lan và cầu bờ nhằm đảm bảo tính hiệu quả của ca máy làm việc.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

3.3. Nội dung và thang điểm đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm
1	Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản các dụng cụ, trang thiết bị	01
2	Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động.	01
3	Tác nghiệp đúng Quy trình đã được phê duyệt.	03
4	Vớt sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trôi nổi.	04
5	Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc.	01
	TỔNG CỘNG	10

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT VÓT CHẤT THẢI RẮN, RONG CỎ, LỤC BÌNH
TRÔI NỐI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG TÀU**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Điều kiện hoạt động

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có kế hoạch cụ thể trong việc giám sát và thực hiện công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên sông, kênh, rạch; sổ nhật ký công trường để ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện để có cơ sở cho việc nghiệm thu khối lượng công việc sau khi hoàn thành công tác vớt.

- Các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thu gom phải đáp ứng các quy định hiện hành.

- Bố trí địa điểm phù hợp để tập kết các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vớt và trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển để đưa đi xử lý.

1.2. Quy định chung về phương tiện, điểm hẹn

a) Phương tiện thực hiện

- Phương tiện thực hiện là tàu có động cơ và được lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho công tác vớt.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về lưu thông thủy theo quy định hiện hành.

- Không được cơi nới, không treo các túi bịch xung quanh phương tiện nhằm lưu chứa các phế liệu trong quá trình vớt.

b) Điểm hẹn

- Được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động theo các quy định hiện hành.

- Đảm bảo điều kiện cho các loại phương tiện tác nghiệp ra vào thuận tiện. Đảm bảo công tác thu gom tập kết phải gọn gàng không để mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

1.3. Quy định chung về trang bị bảo hộ lao động

- Quần áo bảo hộ lao động, giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang, áo phao và các trang bị khác theo quy định.

1.4. Quy định chung về công cụ lao động

- Vớt vớt, cào, dao, liềm, túi chứa bãng lưới (gọi tắt là túi lưới).

1.5. Quy định về thời gian thực hiện

- Thời gian triển khai thực hiện vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tùy thuộc vào thủy triều của tuyến sông, kênh, rạch hoặc theo kế hoạch triển khai do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.6. Quy định khác

- Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tác nghiệp.

- Có biển báo hiệu phân luồng giao thông đường thủy theo quy định hiện hành.

- Trong và sau khi kết thúc quá trình tác nghiệp, công nhân sử dụng chế phẩm khử mùi và hóa chất diệt côn trùng (nếu có) để giảm thiểu mùi hôi phán tán và phòng chống côn trùng (nếu có).

- Việc vận chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt phải tuân thủ quy định tại Mục 2.1 của QTCT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

- Việc vệ sinh điểm hẹn chất thải rắn, rong cỏ, lục bình phải tuân thủ quy định tại Mục 3.1 của QTCT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định về phương tiện và nhân công

a) Công tác chuẩn bị

- Hàng ngày trước giờ công tác, thuyền trưởng và công nhân phải kiểm tra kỹ thuật phương tiện, máy móc, nhiên liệu và trang thiết bị lao động, trang phục bảo hộ lao động.

2.2. Quy trình tác nghiệp

- Sau khi vận hành máy, tất cả nhân sự vào vị trí, tàu kéo neo và rời bến đến vị trí tác nghiệp.

- Tại vị trí tác nghiệp, tàu tàu mở thiết bị thu ở hai bên mạn tàu, thuyền trưởng sẽ định hướng, di chuyển tàu tùy theo luồng lạch để đón nhận và vớt lượng chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trôi nổi trên bề mặt sông, kênh, rạch (lợi dụng lực đẩy của dòng nước để đưa chất thải rắn, rong cỏ, lục bình vào túi lưới).

- Công nhân có trách nhiệm đứng trên lan can tàu và sử dụng vớt lưới để lùa các loại chất thải rắn, rong cỏ, lục bình từ hai cánh vào túi lưới ở mạn tàu; thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Khi túi lưới đã chứa đầy, công nhân điều khiển cầu trục trên tàu để di chuyển túi lưới vào boong tàu. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Trong quá trình đón và vớt, tàu có thể tiếp nhận thêm chất thải rắn, rong cỏ, lục bình từ các ghe (xuồng) đang thực hiện công tác vớt (nếu có).

- Khi tàu đã chứa đầy, thuyền trưởng thu thiết bị thu và đưa tàu quay về điểm hẹn để trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình chứa trong túi lưới từ boong tàu vào xe ép bằng cầu trục (được bố trí trên điểm hẹn) để vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn. Sau khi quá trình trung chuyển kết thúc, công nhân nhận túi lưới mới và tàu di chuyển tiếp tục trở lại vị trí tác nghiệp. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Kết thúc ca làm việc, thuyền trưởng thu thiết bị thu và đưa tàu về bến thủy nội địa. Công nhân vệ sinh và cất giữ cất giữ phương tiện, trang thiết bị và công cụ lao động, duy tu bảo dưỡng máy móc để chuẩn bị cho ca làm việc tiếp theo.

2.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản tàu và các trang thiết bị.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động.

- Tác nghiệp theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

- Vớt sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trôi nổi.

- Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc.

3. PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH

3.1. Quy trình về đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

- Phương pháp đánh giá: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|--------------|
| + Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : 10 điểm |
| + Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : 8 – 9 điểm |
| + Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : 6 – 7 điểm |
| + Loại D – chất lượng vệ sinh kém | : ≤ 5 điểm |

Ghi chú: Việc đánh giá được thực hiện bằng việc giám sát hiện trường và kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như máy chụp hình, máy quay phim để có tư liệu làm bằng chứng, ghi nhận nhật ký công trường.

3.2. Phương pháp và tần suất giám sát

- Phương pháp giám sát: Giám sát quy trình kỹ thuật và chất lượng vệ sinh mặt nước trên các tuyến kênh sau khi vớt.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

3.3. Nội dung và thang điểm đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm
1	Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản các dụng cụ, trang thiết bị	01
2	Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động	01
3	Tác nghiệp đúng lộ trình đã được phê duyệt	02
4	Vớt sạch rác thải, rong cỏ, lục bình trôi nổi	05
5	Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc	01
	TỔNG CỘNG	10

QTKT.08/STNMT-CTR
**QUY TRÌNH KỸ THUẬT VÓT CHẤT THẢI RĂN, RONG CỎ, LỤC BÌNH
TRÔI NỐI TRÊN VÀ VEN SÔNG, KÊNH, RẠCH BẰNG GHE (XUỒNG)**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Điều kiện hoạt động

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có kế hoạch cụ thể trong việc giám sát và thực hiện công tác vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trên sông, kênh, rạch; sổ nhật ký công trường để ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện để có cơ sở cho việc nghiệm thu khối lượng công việc sau khi hoàn thành công tác vớt.

- Các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thu gom phải đáp ứng các theo các quy định hiện hành.

- Bố trí địa điểm phù hợp để tập kết các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác vớt và trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển để đưa đi xử lý.

1.2. Quy định chung về phương tiện, điểm hẹn

a) Phương tiện thực hiện

- Phương tiện thực hiện là ghe (xuồng) có động cơ.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về lưu thông thủy theo quy định hiện hành.

- Không được cơi nới, không treo các túi bịch xung quanh phương tiện nhằm lưu chứa các phế liệu trong quá trình vớt.

b) Điểm hẹn

- Được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động theo các quy định hiện hành.

- Đảm bảo điều kiện cho các loại phương tiện tác nghiệp ra vào thuận tiện. Đảm bảo công tác thu gom tập kết phải gọn gàng không để mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

1.3. Quy định chung về trang bị bảo hộ lao động

- Quần áo bảo hộ lao động, giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang, áo phao và các trang bị khác theo quy định.

1.4. Quy định chung về công cụ lao động

- Vớt vớt, cào, dao, liềm và túi chứa bằng lưới (gọi tắt là túi lưới).

1.5. Thời gian thực hiện

- Thời gian triển khai thực hiện vớt chất thải rắn, rong cỏ, lục bình tùy thuộc vào thủy triều của tuyến sông, kênh, rạch hoặc theo kế hoạch triển khai do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.6. Quy định khác

- Đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tác nghiệp.

- Có biển báo hiệu phân luồng giao thông đường thủy theo quy định hiện hành.

- Trong và sau khi kết thúc quá trình tác nghiệp, công nhân sử dụng chế phẩm khử mùi và hóa chất diệt côn trùng (nếu có) để giảm thiểu mùi hôi phán tán và phòng chống côn trùng (nếu có).

- Việc vận chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình sau khi vớt phải tuân thủ quy định tại Mục 2.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

- Việc vệ sinh điểm hẹn chất thải rắn, rong cỏ, lục bình phải tuân thủ quy định tại Mục 3.1 của QTKT.03/STNMT-CTR trong quy trình kỹ thuật này.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định về phương tiện và nhân công

a) Công tác chuẩn bị

- Hàng ngày trước giờ công tác, lái ghe và công nhân phải kiểm tra kỹ thuật phương tiện, máy móc, nhiên liệu và trang thiết bị lao động, trang phục bảo hộ lao động.

2.2. Quy trình tác nghiệp

- Lái ghe đưa ghe rời bến đến vị trí tác nghiệp. Công nhân dùng vớt tập trung dọc bờ kênh, lấy sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình vướng tại chân cầu, móng nhà, cây cỏ gần bờ (nếu có) và đưa vào túi lưới, thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Khi túi lưới đã chứa đầy, lái ghe điều khiển ghe quay về điểm hẹn để trung chuyển chất thải rắn, rong cỏ, lục bình chưa trong túi lưới từ boong xà lan vào xe ép bằng cầu trực (được bố trí trên điểm hẹn) để vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn hoặc di chuyển đến vị trí tác nghiệp của xà lan/tàu để trung chuyển lên khoang chứa của xà lan/tàu. Sau khi quá trình trung chuyển kết thúc, công nhân nhận túi lưới mới và ghe di chuyển tiếp tục trở lại vị trí tác nghiệp. Thao tác được lặp đi lặp lại một cách liên tục.

- Kết thúc ca làm việc, lái ghe đưa ghe về bến thủy nội địa. Công nhân vệ sinh và cắt giữ phương tiện, trang thiết bị và công cụ lao động, duy tu bảo dưỡng máy móc để chuẩn bị cho ca làm việc tiếp theo.

2.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản các dụng cụ và trang thiết bị.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động.
- Tác nghiệp trên đúng quy trình đã được phê duyệt.
- Vớt sạch chất thải rắn, rong cỏ, lục bình trôi nổi.
- Lấy sạch rác vướng tại chân cầu, móng nhà và cây cỏ gần bờ.
- Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc.

3. PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH

3.1. Quy trình về đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

- Phương pháp đánh giá: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|--------------|
| + Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : 10 điểm |
| + Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : 8 – 9 điểm |
| + Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : 6 – 7 điểm |

+ Loại D – chất lượng vệ sinh kém : ≤ 5 điểm

Ghi chú: Việc đánh giá được thực hiện bằng việc giám sát hiện trường và kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như máy chụp hình, máy quay phim để có tư liệu làm bằng chứng, ghi nhận nhật ký công trường.

3.2. Phương pháp và tần suất giám sát

- Phương pháp giám sát: Giám sát quy trình kỹ thuật và chất lượng vệ sinh mặt nước trên các tuyến kênh sau khi vớt.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

3.3. Nội dung và thang điểm đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm
1	Kiểm tra kỹ thuật, bảo quản các dụng cụ, trang thiết bị	01
2	Trang bị đầy đủ dụng cụ và quần áo bảo hộ lao động	01
3	Tác nghiệp đúng lộ trình đã được phê duyệt	02
4	Vớt sạch rác và lục bình trôi nổi	2,5
5	Lấy sạch rác vướng tại chân cầu, móng nhà và cây cỏ gần bờ	2,5
6	Vệ sinh phương tiện và trang thiết bị khi kết thúc ca làm việc	01
	TỔNG CỘNG	10

QTKT.09/STNMT-CTR
QUY TRÌNH KỸ THUẬT THU GOM, VỆ SINH, BẢO DƯỠNG
THÙNG RÁC CÔNG CỘNG

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Quy định về thùng rác công cộng

Là thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khách vãng lai, khách du lịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không phục vụ cho người dân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, lực lượng buôn bán hàng rong. Tùy thuộc vào nhu cầu thải bỏ và chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của địa phương, Ủy ban nhân dân quận – huyện chủ động đầu tư lắp đặt thùng rác công cộng với số ngăn và dung tích chứa chất thải phù hợp.

Các thùng rác công cộng có hai ngăn (hoặc trở lên) được xem là hai thùng rác công cộng (hoặc trở lên) và áp dụng các quy trình kỹ thuật phù hợp dưới đây để tiến hành thu gom, vệ sinh nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh, mỹ quan đô thị.

1.2. Quy định về thời gian và tần suất thực hiện

- Ủy ban nhân dân quận/huyện căn cứ vào tình hình thực tế, ngân sách của địa phương và quy định có liên quan để tự quyết định thời gian bắt đầu, kết thúc công tác thu gom, vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng.

- Tần suất thu gom thùng rác công cộng tối thiểu là 02 lần/01 ngày, tần suất vệ sinh thùng rác công cộng là định kỳ hàng tuần, tần suất bảo dưỡng thùng rác công cộng là định kỳ hàng tháng. Tùy thuộc vào nhu cầu cần thiết và ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân quận/huyện chủ động xác định việc tăng tần suất thực hiện nhằm tăng cường chất lượng vệ sinh, mỹ quan đô thị Thành phố.

1.3. Quy định khác

- Các thùng rác công cộng phải luôn sạch sẽ, sơn mới, không bị bể/nứt/vỡ, không bị nghiêng hoặc di dời khỏi vị trí đã được lắp đặt, không có các túi chứa trên nắp hoặc dưới chân thùng.

- Các phương tiện thu gom thùng rác công cộng phải luôn sạch sẽ, sơn mới, không bị hư hỏng, đậm kín khi di chuyển.

- Trang bị đèn cảnh báo vào ban đêm khi thu gom, vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng; tuân thủ các quy định của luật giao thông đường bộ.

- Định kỳ hàng tháng, đơn vị cung ứng dịch vụ phải vận chuyển tất cả thùng rác về trạm tập trung để kiểm tra tình trạng của thùng rác, thực hiện vệ sinh sạch sẽ bên trong lỗ hổng bên ngoài thùng, sơn mới thân thùng và phải bố trí thay thế các thùng rác công cộng khác tại vị trí hiện hữu.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT THU GOM, VỆ SINH, BẢO DƯỠNG THÙNG RÁC CÔNG CỘNG

2.1. Quy trình kỹ thuật thu gom, vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng có dung tích nhỏ hơn 120 lít

2.1.1. Quy định về phương tiện thu gom, nhân công, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động

- Phương tiện: thùng chứa 660 lít có gắn bánh xe, nắp đậy; thùng xe được sơn mới hoặc dán đề can phản quang (đối với phương tiện thực hiện vào ban đêm) và ghi tên đơn vị cung ứng dịch vụ; không được cơi nới và treo các túi chứa phế liệu xung quanh thân thùng; tuân thủ quy định của luật giao thông đường bộ.

- Nhân công: công nhân lao động phổ thông.

- Dụng cụ lao động: chổi, ky, túi nylon, giẻ lau, nước, xà phòng, biển báo hiệu đang tác nghiệp thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Bảo hộ lao động: khẩu trang, găng tay cao su/vải, áo có phản quang và quần bảo hộ lao động, giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

2.1.2. Quy trình thu gom, vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng

- Công nhân kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Công nhân đầy thùng 660 lít dọc tuyến đường cùng chiều xe lưu thông đến điểm đặt thùng rác công cộng đầu tiên của lộ trình thu gom đã xác định. Thùng 660 lít để phía sau, công nhân thực hiện thao tác phía trước, đặt biển báo hiệu cách đuôi thùng 660 lít về phía ngược chiều dòng xe lưu thông.

- Kiểm tra và ghi nhận hiện trạng sử dụng của thùng rác công cộng (bị gãy đổ, xiêu vẹo, thùng bị nứt, vỡ, có hay không các túi rác sinh hoạt của hộ dân khu vực đặt dưới chân thùng rác công cộng), báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã và đơn vị cung ứng dịch vụ để được bảo quản, sửa chữa, thay thế ngay các thùng rác hư hỏng, mất cắp.

Sau khi tiếp nhận thông tin về tình trạng của thùng rác công cộng, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã và đơn vị cung ứng dịch vụ tổ chức kiểm tra, khắc phục ngay tình trạng các thùng bị hư hỏng, mất cắp (không quá 02 ngày).

- Mở nắp thùng rác công cộng, thu gom túi nylon có chứa chất thải rắn sinh hoạt và bỏ vào thùng 660 lít. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt còn rơi vãi bên trong và bên ngoài thùng rác công cộng (nếu có). Thay túi nylon mới vào thùng rác công cộng.

- Đem thùng rác công cộng đến đúng vị trí đã định. Tháo dỡ các mẩu quảng cáo dán trên thùng, vệ sinh thùng rác công cộng bằng xà phòng và lau chùi lại bằng nước và thu gọn đi kèm.

- Công nhân đầy thùng 660 lít đến điểm đặt thùng rác công cộng kế tiếp theo lộ trình đã định và thực hiện các thao tác như trên cho đến khi đầy thùng 660 lít hoặc kết thúc lộ trình thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng.

- Khi thùng 660 lít chứa đầy chất thải rắn sinh hoạt hoặc đã hoàn thành lộ trình thu gom đã định, công nhân di chuyển thùng 660 lít về điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển để đổ chất thải rắn sinh hoạt trong thùng 660 lít trực tiếp lên phương tiện vận chuyển hoặc sàn tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt của trạm trung chuyển.

- Khi thùng 660 lít đã đổ chất thải rắn sinh hoạt xong, công xịt rửa bánh xe và xung quanh thùng 660 lít, tiếp tục thực hiện quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt tiếp theo như các bước trên cho đến khi kết thúc ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, công nhân đầy thùng 660 lít về địa điểm tập kết được quy định và thực hiện vệ sinh, cất giữ thùng 660 lít và dụng cụ lao động, bảo hộ lao động ngăn nắp, trật tự, không làm mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông, giao ca.

2.1.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Thùng rác công cộng được thu gom hết chất thải rắn sinh hoạt trong thùng, không để tràn trạng út đọng chất thải rắn sinh hoạt và phát sinh mùi hôi.

- Xung quanh thùng rác công cộng trong phạm vi bán kính 1,5m không còn chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng rác công cộng được đặt đúng vị trí đã định.

- Thùng rác công cộng thu gom và vệ sinh sạch sẽ, không còn các mẩu quảng cáo, không có mùi hôi, được trang bị túi nylon mới.

- Quá trình vận chuyển thùng 660 lít về điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển không để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, không rò rỉ nước thải, không phát sinh mùi hôi.

- Thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng theo đúng tần suất và thời gian do Ủy ban nhân dân quận – huyện quy định.

2.2. Quy trình kỹ thuật thu gom, vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng có dung tích lớn hơn (hoặc bằng) 120 lít và vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn

2.2.1. Quy trình kỹ thuật thu gom thùng rác công cộng

a) Quy định về phương tiện, dụng cụ lao động, nhân công, dụng cụ bảo hộ lao động

- Phương tiện thu gom: xe ép có gắn máng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt hoặc thiết bị nâng thùng rác công cộng; thùng xe được sơn mới hoặc dán đề can phản quang (đối với phương tiện thực hiện vào ban đêm) và ghi tên đơn vị cung ứng dịch vụ; miệng nạp chất thải rắn sinh hoạt phải được che phủ; không được coi nói và treo các túi chứa phế liệu xung quanh thân thùng; tuân thủ quy định của luật giao thông đường bộ.

- Nhân công: lái xe và công nhân lao động phổ thông.

- Dụng cụ lao động: chổi, ky, bình xịt chế phẩm khử mùi (số lượng và dung tích đủ chứa lượng chế phẩm khử mùi trong một ca làm việc), biển báo hiệu đang tác nghiệp tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt.

- Dụng cụ bảo hộ lao động gồm: khẩu trang, găng tay cao su/vải, áo có phản quang và quần bảo hộ lao động, giày bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

b) Quy trình thu gom thùng rác công cộng

- Lái xe, công nhân kiểm tra phương tiện thu gom và thiết bị kỹ thuật, chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Lái xe điều khiển xe ép đến điểm đặt thùng rác công cộng đầu tiên của lộ trình thu gom đã xác định, đặt biển báo hiệu cách đuôi xe ép về phía ngược chiều dòng xe lưu thông.

- Công nhân đẩy thùng rác công cộng đến xe ép và bắt đầu nạp chất thải rắn sinh hoạt từ thùng rác công cộng vào máng tiếp nhận của xe ép hoặc vào thùng xe ép bằng thiết bị nâng thùng. Sau đó, công nhân đẩy thùng rác công cộng đến điểm đặt đã được xác định.

- Công nhân quét dọn sạch mặt bằng tại điểm đặt thùng rác công cộng và điểm tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện phun xịt chế phẩm khử mùi ở trong và xung quanh máng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt (hoặc thiết bị nâng thùng), miệng nạp chất thải rắn sinh hoạt, điểm tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt; đậy kín nắp thùng rác công cộng và miệng nạp chất thải rắn sinh hoạt của xe ép; thu dọn điểm bão.

- Lái xe điều khiển xe ép đến điểm đặt thùng rác công cộng kế tiếp theo lộ trình đã định và thực hiện thao tác như trên cho đến khi đầy thùng xe ép. Sau đó, xe ép di chuyển về trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn. Tại đây các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thao tác theo hướng dẫn của đơn vị vận hành trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn để xả đổ chất thải rắn.

- Khi xe ép đã đổ chất thải rắn sinh hoạt xong tại trạm trung chuyển hoặc khu liên hợp xử lý chất thải rắn, xịt rửa bánh xe và xung quanh thùng xe, tiếp tục thực hiện quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng rác công cộng tiếp theo như các bước trên cho đến khi kết thúc ca làm việc.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe điều khiển xe ép về địa điểm tập kết được quy định và thực hiện vệ sinh, cất giữ xe ép và dụng cụ lao động, bảo hộ lao động ngắn nắp, trật tự, không làm mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông, giao ca.

c) Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Thùng rác công cộng được thu gom hết chất thải rắn sinh hoạt trong thùng.

- Xung quanh thùng rác công cộng trong phạm vi bán kính 1,5m không còn chất thải rắn sinh hoạt

- Thùng rác công cộng được phun xịt chế phẩm khử mùi, không có mùi hôi

- Quá trình vận chuyển xe ép không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, không rò rỉ nước rỉ rác, không có mùi hôi

- Việc thu gom thùng rác công cộng theo đúng tần suất và thời gian quy định

2.2.2. Quy trình vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng bằng phương pháp thủ công

a) Quy định về phương tiện, dụng cụ lao động, nhân công, dụng cụ bảo hộ lao động

- Phương tiện: xe gắn máy.

- Nhân công: công nhân lao động phổ thông.

- Dụng cụ lao động: nước javel, bình chứa nước ((số lượng và dung tích đủ chứa lượng nước sạch trong một ca làm việc), xô đựng nước, giẻ lau, bàn chải cước, bình xịt chế phẩm khử mùi, chổi và ky, biển báo hiệu đang tác nghiệp vệ sinh và bảo dưỡng thùng rác công cộng.

- Dụng cụ bảo hộ lao động: khẩu trang, găng tay cao su/vải, áo có phản quang và quần bảo hộ lao động, giày bảo hộ lao động, áo bảo hộ lao động, áo mưa có phản quang.

b) Quy trình vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng

- Công nhân kiểm tra an toàn phương tiện và thiết bị kỹ thuật chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lao động theo quy định, đổ đầy nước vào các bình chứa nước trên xe.

- Công nhân điều khiển xe đến điểm đặt thùng rác công cộng đầu tiên của lộ trình thu gom đã xác định, đặt biển báo hiệu cách đuôi xe về phía ngược chiều dòng xe lưu thông.

- Công nhân kiểm tra và ghi nhận hiện trạng sử dụng của thùng rác công cộng (bị gãy đổ, xiêu vẹo, thùng bị nứt, vỡ, có hay không các túi rác sinh hoạt của hộ dân khu vực đặt dưới chân thùng rác công cộng), báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã và đơn vị cung ứng dịch vụ để được bảo quản, sửa chữa, thay thế ngay các thùng rác hư hỏng, mất cắp.

Sau khi tiếp nhận thông tin về tình trạng của thùng rác công cộng, Ủy ban nhân dân quận – huyện, phường – xã và đơn vị cung ứng dịch vụ tổ chức kiểm tra, khắc phục ngay tình trạng các thùng bị hư hỏng, mất cắp (không quá 02 ngày).

- Công nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở ngoài bờ vào trong thùng thùng rác công cộng; đầy thùng rác công cộng đến vị trí đặt thùng đã định (nếu thùng đặt sai vị trí); dùng giẻ lau, bàn chải để vệ sinh thùng rác công cộng bằng nước (có pha hóa chất tẩy rửa) tại nắp và bên ngoài thân thùng.

- Công nhân lau khô và xịt chế phẩm khử mùi bên ngoài, bên trong thùng.

- Công nhân di chuyển đến điểm đặt thùng tiếp theo và thực hiện thao tác như trên cho đến khi kết thúc lộ trình đã định.

- Kết thúc ca làm việc, lái xe điều khiển xe về địa điểm tập kết được quy định và thực hiện vệ sinh, cất giữ xe và dụng cụ lao động, bảo hộ lao động ngăn nắp, trật tự, không làm mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông, giao ca.

c) Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Xung quanh thùng rác công cộng trong phạm vi bán kính 1,5m không còn chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng rác công cộng được vệ sinh sạch sẽ, không có quảng cáo dán trên thùng, không có mùi hôi

- Việc vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng theo đúng tần suất và thời gian quy định

- Thùng rác công cộng được sơn mới, không bị hư hỏng.

4. PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT CÔNG TÁC THU GOM, VỆ SINH THÙNG RÁC CÔNG CỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH

4.1. Phương pháp và tần suất giám sát

a) Phương pháp giám sát: giám sát thực tế hàng ngày đối với toàn bộ quy trình kỹ thuật thực hiện và chất lượng vệ sinh của từng thùng rác công cộng để làm cơ sở cho việc đánh giá, nghiệm thu, thanh toán khối lượng công việc thực tế thực hiện của từng thùng rác công cộng.

Công tác giám sát được thực hiện bằng việc kiểm tra thực tế hiện trường và có thể kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như máy chụp hình, máy quay phim để có tư liệu làm bằng chứng.

b) Tần suất giám sát: tùy thuộc vào kế hoạch của Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định; ưu tiên tần suất giám sát là hàng ngày.

4.2. Phương pháp đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Đánh giá chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật theo thang điểm A, B, C, D cho từng nội dung công việc.

- Phương pháp đánh giá: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

Loại A – chất lượng vệ sinh tốt	: 10 điểm.
Loại B – chất lượng vệ sinh khá	: 8 – 9 điểm.
Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình	: 6 – 7 điểm.
Loại D – chất lượng vệ sinh kém	: ≤ 5 điểm.

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM
1. Quy trình kỹ thuật thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng có dung tích nhỏ hơn 120 lít			
1	Công tác chuẩn bị: nhân công trang bị đầy đủ dụng cụ lao động và bảo hộ lao động theo quy định	Kiểm tra thực tế	01
2	Thùng rác công cộng được thu gom hết chất thải rắn sinh hoạt trong thùng	Kiểm tra thực tế	02
3	Xung quanh thùng rác công cộng trong phạm vi bán kính 1,5m không còn chất thải rắn sinh hoạt	Kiểm tra thực tế	02
4	Thùng rác công cộng được vệ sinh sạch sẽ, không có quảng cáo dán trên thùng, không có mùi hôi, được trang bị túi nylon mới	Kiểm tra thực tế	02
5	Quá trình vận chuyển thùng 660 lít không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, không rò rỉ nước rỉ rác, không có mùi hôi	Kiểm tra thực tế	01
6	Việc thu gom, vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng theo đúng tần suất và thời gian quy định	Kiểm tra thực tế	01
7	Thùng rác công cộng được sơn mới, không bị hư hỏng	Kiểm tra thực tế	01

TỔNG CỘNG	10
2. Quy trình kỹ thuật thu gom thùng rác công cộng có dung tích lớn hơn (hoặc bằng) 120 lít	
1	Công tác chuẩn bị: nhân công trang bị đầy đủ dụng cụ lao động và bảo hộ lao động theo quy định
2	Thùng rác công cộng được thu gom hết chất thải rắn sinh hoạt trong thùng
3	Xung quanh thùng rác công cộng trong phạm vi bán kính 1,5m không còn chất thải rắn sinh hoạt
4	Thùng rác công cộng được phun xịt chế phẩm khử mùi, không có mùi hôi
5	Quá trình vận chuyển xe ép không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, không rò rỉ nước rỉ rác, không có mùi hôi
6	Việc thu gom thùng rác công cộng theo đúng tần suất và thời gian quy định
TỔNG CỘNG	10
3. Quy trình vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng bằng phương pháp thủ công đối với thùng rác công cộng có dung tích lớn hơn (hoặc bằng) 120 lít	
1	Công tác chuẩn bị: nhân công trang bị đầy đủ dụng cụ lao động và bảo hộ lao động
2	Xung quanh thùng rác công cộng trong phạm vi bán kính 1,5m không còn chất thải rắn sinh hoạt
3	Thùng rác công cộng được vệ sinh sạch sẽ, không có quảng cáo dán trên thùng, không có mùi hôi
4	Việc vệ sinh, bảo dưỡng thùng rác công cộng theo đúng tần suất và thời gian quy định
5	Thùng rác công cộng được sơn mới, không bị hư hỏng
TỔNG CỘNG	10

QTKT.10/STNMT-CTR
**QUÉT DỌN CHẤT THẢI ĐƯỜNG PHỐ BẰNG XE HÚT VÀ TƯỚI RỬA
ĐƯỜNG**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. CÔNG TÁC QUÉT ĐƯỜNG BẰNG XE HÚT

1.1.1. Quy định chung về phương tiện

- Loại phương tiện quét bằng cơ giới: xe quét hút 5 – 7m³ được trang bị hệ thống chổi quét, hệ thống phun nước, hệ thống hút, thùng chứa chất thải và không được làm rỉ nước rác.

- Hệ thống chổi quét: bao gồm 2 chổi tròn 2 bên và 01 chổi giữa, các chổi có khả năng điều chỉnh sang trái, sang phải và tự động nâng lên khi xe lùi hoặc va chạm vào các chướng ngại vật.

- Phía trước đầu xe và phía sau thùng xe được sơn phản quang biểu tượng hạn chế lưu thông, ghi địa chỉ liên lạc của đơn vị thực hiện.

- Chất thải rắn thu gom không được vượt quá thể tích cho phép của thùng xe hoặc vượt khối lượng hàng chuyên chở cho phép.

- Trang bị đèn cảnh báo vào ban đêm.

1.1.2. Quy định chung về trang bị bảo hộ lao động

Lái xe và lao động phổ thông được trang bị: quần áo bảo hộ lao động, áo phản quang (vào ban đêm), giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang và các trang bị khác theo quy định..

1.1.3. Quy định về thời gian thực hiện

- Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định thời gian thực hiện phù hợp với thực tế tại mỗi địa phương.

- Ủy ban nhân dân quận – huyện lưu ý thời gian nghiệm thu, thanh toán khối lượng thực hiện ban đêm theo Luật số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về Bộ Luật Lao động, trong đó Điều 105 Mục 1 Chương VII quy định “giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau”.

1.1.4. Quy định khác

- **Vệ sinh phương tiện quét:** hàng ngày sau ca làm việc thực hiện vệ sinh xúc, chà rửa phía trong và ngoài thùng xe bằng chất tẩy rửa trước khi cất giữ phương tiện thu gom.

- **Cất giữ công cụ lao động và phương tiện thu gom sau khi kết thúc ca làm việc:** Công cụ lao động, phương tiện thu gom phải được cất giữ ngăn nắp, trật tự, không làm mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông.

1.2. CÔNG TÁC TƯỚI RỬA ĐƯỜNG

1.2.1. Quy định chung về phương tiện

- Loại phương tiện tưới rửa đường bằng cơ giới: xe ô tô tưới nước, máy bơm nước, ống dẫn nước.

- Phía trước đầu xe và phía sau thùng xe được sơn phản quang biểu tượng hạn chế lưu thông, ghi địa chỉ liên lạc của đơn vị thực hiện

- Trang bị đèn cảnh báo.

1.2.2. Quy định chung về trang bị bảo hộ lao động

Lái xe và lao động phổ thông được trang bị: quần áo bảo hộ lao động, áo phản quang (vào ban đêm), giày vải (hoặc ủng cao su), nón bảo hộ lao động, áo mưa, găng tay, khẩu trang và các trang bị khác theo quy định.

1.2.3. Quy định về thời gian thực hiện

Ủy ban nhân dân quận – huyện xác định thời gian thực hiện phù hợp với thực tế tại mỗi địa phương.

Ủy ban nhân dân quận – huyện lưu ý thời gian nghiệm thu, thanh toán khối lượng thực hiện ban đêm theo Luật số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về Bộ Luật Lao động, trong đó Điều 105 Mục 1 Chương VII quy định “giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau”.

1.2.4. Quy định khác

- **Vệ sinh phương tiện:** hàng ngày sau ca làm việc thực hiện vệ sinh phương tiện tưới rửa đường trước khi cất giữ.

- **Cất giữ công cụ lao động và phương tiện thu gom sau khi kết thúc ca làm việc:** phương tiện tưới rửa đường phải được cất giữ ngăn nắp, trật tự, không làm mất mỹ quan đô thị và cản trở giao thông.

2. QUY TRÌNH KỸ THUẬT

2.1. CÔNG TÁC QUÉT ĐƯỜNG BẰNG XE HÚT

2.1.1. Phạm vi thực hiện

Sử dụng xe quét hút 5 – 7m³ thực hiện công tác quét hút sạch cát, bụi, chất thải rắn có kích thước nhỏ, trọng lượng nhẹ (như lá cây, giấy, mẩu thuốc lá...) trên lòng đường, mép lòng đường - vỉa hè.

2.1.2. Quy trình tác nghiệp

2.1.2.1. Trước ca làm việc

- Ký số theo dõi và nhận công tác tại văn phòng.
- Lái xe kiểm tra thiết bị, vận hành kỹ thuật của xe, bơm nước vào thùng chứa nước

- Trang bị bảo hộ lao động.

2.1.2.2. Trong ca làm việc

a) Quét hút chất thải

- Lái xe điều khiển xe đến điểm đầu của tuyến thao tác thực hiện sát mép vỉa hè 0,2 m – 0,3 m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số kỹ thuật trước khi cho xe vận hành hệ thống.

- Chuyển từ chế độ xe chạy bình thường sang chế độ quét.

- Điều chỉnh tốc độ chổi quét giữa và chổi quét bên (phải hay trái).

- Mở hệ thống phun nước để giảm bụi.

- Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4 km/h – 5 km/h.

- Trong trường hợp chổi quét và hệ thống hút không tiếp cận được với chất thải có thể vận hành hệ thống vòi hút bên ngoài, các công đoạn như sau:

- + Nút chỉnh hướng quét ở vị trí giữa;

- + Tăng tốc độ vòng quay của quạt;
- + Đặt ống bơm bên ngoài tách khỏi cửa sau của bộ phận chứa chất thải;
- + Đặt ống bơm gần chỗ chất thải cần bơm. Nếu mặt đường quá khô, mở van phun và phun nước ở vòi bơm bên ngoài.

- Trong quá trình thực hiện quét hút, lao động phổ thông thực hiện nhặt các vật cản không quét hút được (đá, rác bịch...) để tránh cấn chổi, nghẹt ống và làm bể ống; đồng thời phải thường xuyên quan sát phía sau để phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng họng hút bị nghẹt, thải trở lại chất thải trên đường phố. Khi họng hút bị nghẹt, lao động phổ thông phải báo lái xe lùi xe trở lại để thực hiện quét hút đoạn vừa bị thải trở lại.

- Sau khi quét hút hết tuyến thao tác, nâng chổi, tắt hệ thống phun nước, tắt chế độ quét. Di chuyển đến điểm thực hiện tiếp theo và thực hiện lại các công đoạn nêu trên cho đến hết ca thao tác.

b) Chuyển chất thải đến địa điểm quy định

Cuối ca làm việc hoặc trong quá trình công tác (nếu thùng chứa đầy) hoặc đạt đến khối lượng hàng chuyên chở cho phép, di chuyển phương tiện đến trạm trung chuyển thực hiện các thao tác sau:

- Đỗ xe ở vị trí phẳng và giữ phanh xe để xe dừng lại hoàn toàn;
- Bật hệ thống xả chất thải, thực hiện việc xả chất thải trong thùng chứa vào vị trí quy định.
- Hạ và đóng cửa thùng chứa, hoàn thành việc xả chất thải.

2.1.2.3. Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện về nơi tập kết;
- Dùng vòi phun nước làm sạch bên trong và bên ngoài thùng chứa chất thải (làm sạch tấm chắn, tấm cao su ở cửa sau của thùng chứa, vòi hút ống hút).
- Vệ sinh, lau rửa hệ thống hút, hệ thống chổi quét, thân xe và bánh xe
- Xả thùng chứa nước;
- Di chuyển phương tiện và cất đồ bảo hộ vào địa điểm quy định;
- Ký số lao động.

2.1.3. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Các tuyến đường sau thực hiện quét hút phải sạch cát, chất thải rắn (có kích thước nhỏ, trọng lượng nhẹ như lá cây, giấy, mẩu thuốc lá....).
- Hạn chế phát tán bụi.

2.2. CÔNG TÁC TUỐI RỬA ĐƯỜNG

2.2.1. Phạm vi thực hiện

Sử dụng ô tô tưới nước thực hiện công tác tưới nước rửa đường trên lòng đường, mép lòng đường - vỉa hè.

2.2.2. Quy trình tác nghiệp

2.2.2.1 Trước ca làm việc

- Ký số theo dõi và nhận công tác tại văn phòng.
- Lái xe kiểm tra thiết bị, vận hành kỹ thuật của xe, kiểm tra van khóa.
- Trang bị bảo hộ lao động.

2.2.2.2. Trong ca làm việc

- Bắt đầu thực hiện sau khi mặt đường đã được quét dọn sạch chất thải rắn, bụi, cát, đất,... công nhân vận hành đưa phương tiện tưới rửa đường từ điểm đậu phương tiện đến điểm lấy nước đã được quy định, sau đó sẽ tiến hành lấy nước. Để miệng của phương tiện tưới rửa đường đúng họng nước, khi đầy khóa van họng nước, đầy nắp, khóa chặt.

- Trong quá trình rửa đường, lái xe vận hành phương tiện tưới rửa đường di chuyển chậm với tốc độ 6 km/giờ, một công nhân đi bộ theo xe cầm vòi phun bếp chêch 5° và tiến hành phun xịt, rửa toàn bộ mặt đường với áp lực phun nước 5 kg/cm². Nếu nước đọng thành vũng trên mặt đường, công nhân phun xịt phải thực hiện quét vũng nước đọng.

- Sau khi phương tiện tưới rửa đường hết nước, phương tiện tưới rửa đường sẽ quay lại điểm lấy nước để tiếp tục bơm nước sau đó di chuyển đến điểm giáp vừa rửa để tiếp tục rửa đoạn còn lại.

2.2.3.3 Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện về nơi tập kết;
- Vệ sinh, lau rửa hệ thống hút, thân và bánh phương tiện tưới rửa đường;
- Xả thùng chứa nước;
- Di chuyển phương tiện và cát đồ bảo hộ vào địa điểm quy định;
- Ký số lao động.

2.2.4. Yêu cầu chất lượng vệ sinh và quy trình kỹ thuật

- Các tuyến đường sau thực hiện tưới rửa đường phải sạch không còn mùi do nước rỉ rác vương vãi trên đường phát tán.

- Không để đọng nước thành vũng quá lớn trên mặt đường sau khi tưới rửa.

3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Dánh giá chất lượng vệ sinh theo thang điểm A, B, C, D và được thực hiện bằng cách cho điểm theo nội dung quy định tại phụ lục đính kèm.

Phương pháp cho điểm: mỗi nội dung đạt tương ứng với số điểm cho trong bảng, nếu nội dung không đạt thì không cho điểm. Nếu tổng số điểm đạt cộng lại:

- | | |
|--|------------------|
| - Loại A – chất lượng vệ sinh tốt | : ≥ 9 điểm |
| - Loại B – chất lượng vệ sinh khá | : $7 - < 9$ điểm |
| - Loại C – chất lượng vệ sinh trung bình | : $5 - < 7$ điểm |
| - Loại D – chất lượng vệ sinh kém | : ≤ 5 điểm |

STT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Ghi chú thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá
CÔNG TÁC QUÉT ĐƯỜNG BẰNG XE HÚT				
1	Trang bị đồ bảo hộ lao động, công cụ lao động và phương tiện thu gom	2		
1.1	Trang bị đầy đủ công cụ và đồ bảo hộ lao động	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế

1.2	Trang bị đầy đủ các dấu hiệu cảnh báo giao thông. Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe lưu thông	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
2	Tuân thủ quy trình quét dọn	3		
2.1	Lao động phổ thông thực hiện nhặt các vật cản không hút được (đá, rác bịch...) trước khi xe quét hút thao tác	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
2.2	Không lùa rác, bùn, cát xuống miệng cống	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
2.3	Thực hiện đúng tần suất và thời gian quy định	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
3	Đảm bảo chất lượng vệ sinh trong ca làm việc	3		
3.1	Sạch rác, cát, bịch rác, rác đồng có thể tích bé hơn 0,2 m ³ trên lòng đường, mép lòng đường- vỉa hè, dải phân cách	2	Ngay thời điểm người công nhân vừa xong thao tác	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan
3.2	Đảm bảo không phát tán bụi.	1	Ngay thời điểm người công nhân vừa xong thao tác	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan
4	Vệ sinh và lưu giữ trang thiết bị, phương tiện thu gom sau ca làm việc	2		
4.1	Vệ sinh chùi rửa sạch sè trang thiết bị, phương tiện thu gom	1	Sau ca quét	Kiểm tra thực tế
4.2	Trang thiết bị, phương tiện thu gom lưu giữ an toàn theo đúng quy định.	1	Sau ca quét	Kiểm tra thực tế
TỔNG		10		

CÔNG TÁC TUỐI RỬA ĐƯỜNG

1	Trang bị đồ bảo hộ lao động, công cụ lao động và phương tiện thu gom	2		
1.1	Trang bị đầy đủ công cụ và đồ bảo hộ lao động	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
1.2	Trang bị đầy đủ các dấu hiệu cảnh báo giao thông. Di chuyển phương tiện thu gom cùng chiều xe lưu thông	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế

2	Tuân thủ quy trình quét dọn	2		
2.1	Bơm nước đúng nơi quy định	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
2.2	Thực hiện đúng tần suất và thời gian quy định	1	Trong thời gian ca quét	Ghi nhận thực tế
3	Đảm bảo chất lượng vệ sinh trong ca làm việc	4		
3.1	Không còn mùi do nước rỉ rác vương vãi	2	Ngay thời điểm người công nhân vừa xong thao tác	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan
3.2	Đảm bảo không để nước đọng trên mặt đường thành vũng quá lớn.	1	Ngay thời điểm người công nhân vừa xong thao tác	Kiểm tra thực tế, đánh giá cảm quan
3.3	Không cản trở người và phương tiện lưu thông trên đường	1	Trong quá trình thao tác	Ghi nhận thực tế
4	Vệ sinh và lưu giữ trang thiết bị, phương tiện thu gom sau ca làm việc	2		
4.1	Vệ sinh chùi rửa sạch sẽ xe tép sau khi hết ca làm việc	1	Sau ca quét	Kiểm tra thực tế
4.2	Phương tiện tưới rửa đường được lưu giữ an toàn đúng nơi quy định.	1	Sau ca quét	Kiểm tra thực tế
	TỔNG	10		